AUSTRONG

CEILING - SUN LOUVER - FAÇADE



BẢNG BÁO GIÁ

CEILING - SUN LOUVER - FAÇADE

Áp dụng từ ngày 10/11/2026

ISO 9001-2015 | TRUSTED BRAND

www.austrong.com.vn austronggroup@austrong.com.vn

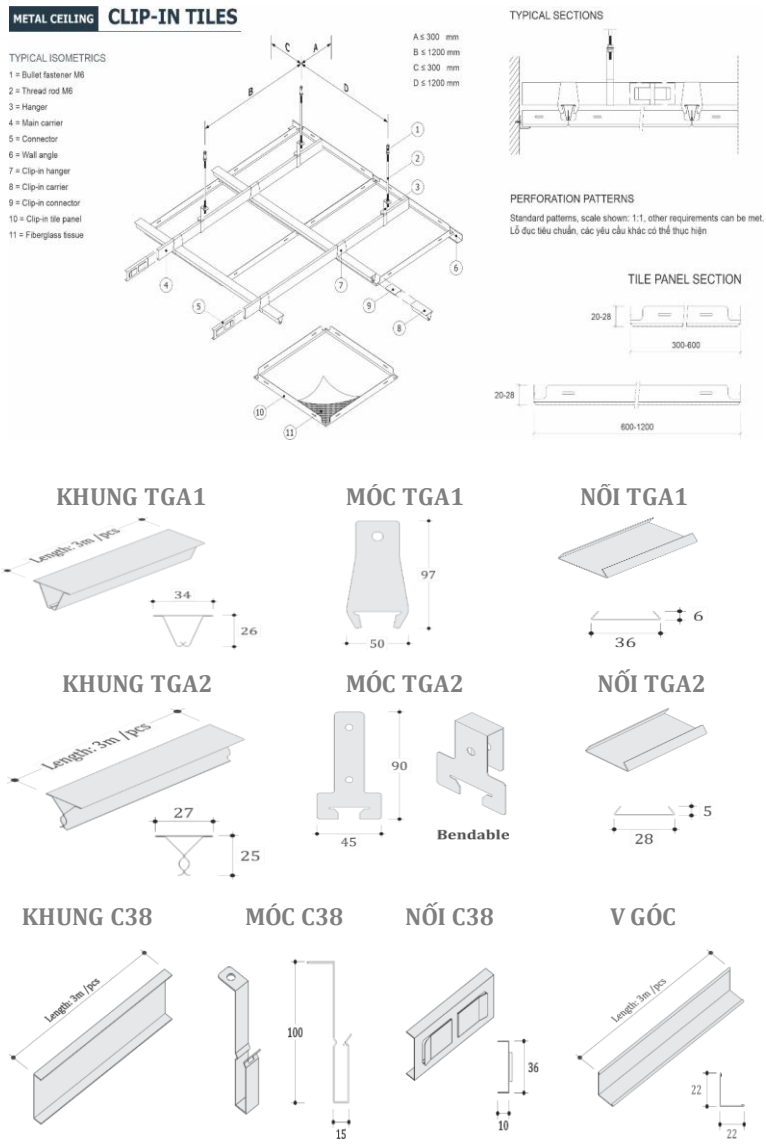
1. TẤM TRẦN NHÔM CLIP-IN -TILES

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Bề mặt trơn	Bề mặt đục lỗ
1	Tấm trần Clip-in 300x300x0.4mm	Tấm	29,000	30,000
2	Tấm trần Clip-in 300x600x0.4mm	Tấm	52,000	53,000
3	Tấm trần Clip-in 600x600x0.5mm	Tấm	117,000	118,000
4	Tấm trần Clip-in 600x600x0.6mm	Tấm	141,000	142,000
5	Tấm trần Clip-in 600x600x0.7mm	Tấm	170,000	171,000
6	Tấm trần Clip-in 600x600x0.8mm	Tấm	195,000	196,000
7	Tấm trần Clip-in 600x1200x0.8mm	Tấm	409,000	414,000
8	Tấm trần Clip-in 600x1200x0.9mm	Tấm	460,000	468,000
9	Khung tam giác A1 mạ kẽm	Thanh	43,000	
10	Móc tam giác A1 mạ kẽm	Chiếc	2,000	
11	Nối tam giác A1 mạ kẽm	Chiếc	1,000	
12	Khung tam giác A2 mạ kẽm	Thanh	29,000	
13	Móc tam giác A2 mạ kẽm	Chiếc	1,000	
14	Nối tam giác A2 mạ kẽm	Chiếc	1,000	
15	Khung C38 A1 mạ kẽm	Thanh	37,000	
16	Khung C38 A2 mạ kẽm	Thanh	28,000	
17	Móc C38	Chiếc	3,000	
18	Nối C38	Chiếc	2,000	
19	V góc nhôm, 3000mm	Thanh	52,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)
2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



2. TẤM TRẦN NHÔM LAY-IN -TILES

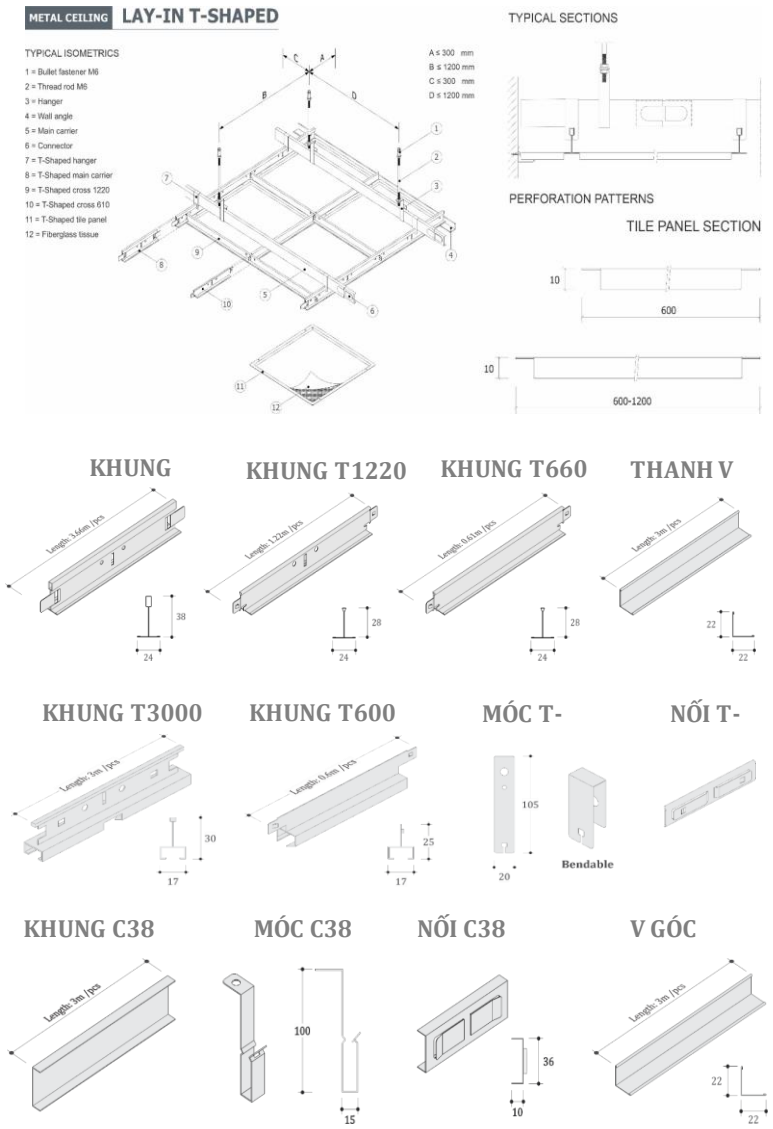
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Bề mặt trơn	Bề mặt đục lỗ
1	Tấm trần Lay-in 600x600x0.5mm	Tấm	105,000	106,000
2	Tấm trần Lay-in 600x600x0.6mm	Tấm	127,000	128,000
3	Tấm trần Lay-in 600x600x0.7mm	Tấm	148,000	152,000
4	Tấm trần Lay-in 600x600x0.8mm	Tấm	171,000	175,000
5	T-shaped 38x24x3660mm	Thanh	50,000	
6	T-shaped 28x24x1220mm	Thanh	15,000	
7	T-shaped 28x24x610mm	Thanh	9,000	
8	V góc thép 22x22x3000mm	Thanh	22,000	
9	T-Black 17x30x3000mm	Thanh	167,000	
10	T-Black 17x25x600mm	Thanh	32,000	
11	Móc T-Black	Chiếc	2,000	
12	Nối T-Black	Chiếc	2,000	
13	Khung C38 A1 mạ kẽm	Thanh	37,000	
14	Khung C38 A2 mạ kẽm	Thanh	28,000	
15	Móc C38	Chiếc	3,000	
16	Nối C38	Chiếc	2,000	
17	V góc nhôm, 3000mm	Thanh	52,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



3. TẤM TRẦN NHÔM LỤC GIÁC

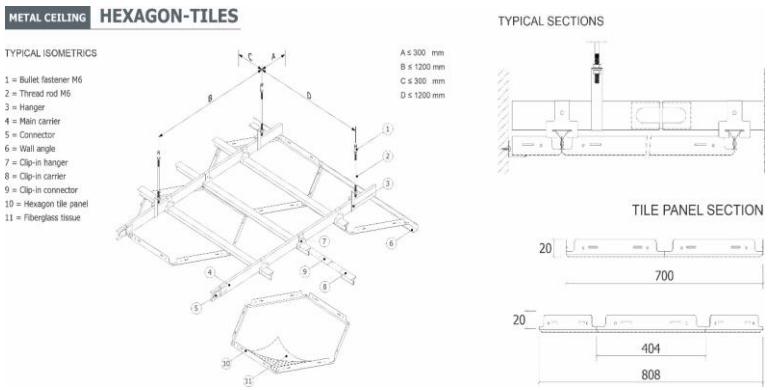
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

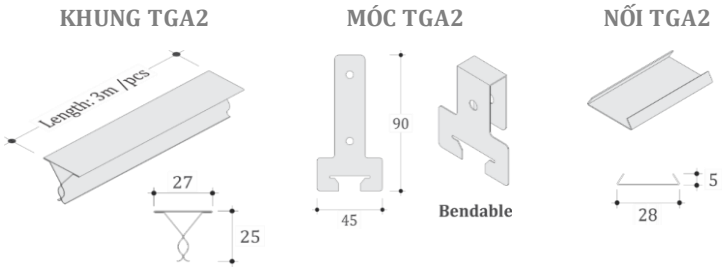
TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Bề mặt trơn	Bề mặt đục lỗ
1	Tấm trần Lục giác 700x404x800mm, dày 0.8mm, TD	Tấm	Liên hệ	Liên hệ
2	Tấm trần Lục giác 700x404x800mm, dày 0.9mm, TD	Tấm	Liên hệ	Liên hệ
3	Tấm trần Lục giác 700x404x800mm, dày 1.0mm, TD	Tấm	Liên hệ	Liên hệ
4	Khung tam giác A2	Thanh	Liên hệ	Liên hệ
5	Móc tam giác A2	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
6	Nối tam giác A2	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
7	Khung C38, 3000mm A1	Thanh	Liên hệ	Liên hệ
8	Khung C38, 3000mm A2	Thanh	Liên hệ	Liên hệ
9	Móc C38	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
10	Nối C38	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
11	V góc nhôm, 3000mm	Thanh	Liên hệ	Liên hệ

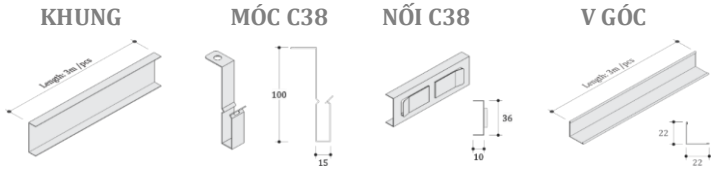
TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)







4. TẤM TRẦN NHÔM TAM GIÁC

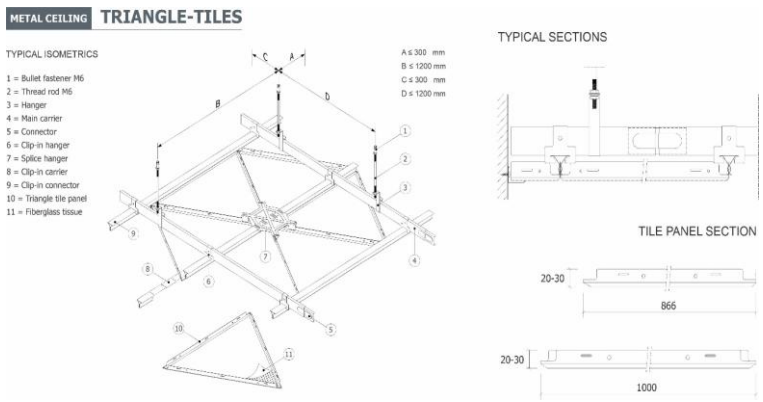
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

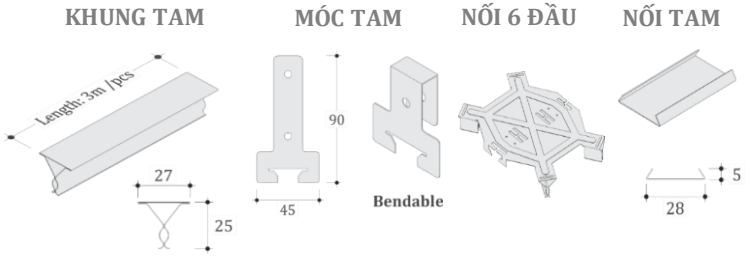
TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Bề mặt trơn	Bề mặt đục lỗ
1	Tấm trần Tam giác 1000x1000x1000mm, dày 0.8mm, D8mm, TD	tấm	Liên hệ	Liên hệ
2	Tấm trần Tam giác 1000x1000x1000mm, dày 0.9mm, D8mm, TD	tấm	Liên hệ	Liên hệ
3	Tấm trần Tam giác 1000x1000x1000mm, dày 1.0mm, D8mm, TD	tấm	Liên hệ	Liên hệ
4	Khung tam giác A2 mạ kẽm	Thanh	Liên hệ	Liên hệ
5	Móc tam giác A2 mạ kẽm	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
6	Nối tam giác A2 mạ kẽm	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
7	Nối 6 đầu	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
8	Khung C38 A1 mạ kẽm	Thanh	Liên hệ	Liên hệ
9	Khung C38 A2 mạ kẽm	Thanh	Liên hệ	Liên hệ
10	Móc C38	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
11	Nối C38	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
12	V góc nhôm, 3000mm	Thanh	Liên hệ	Liên hệ

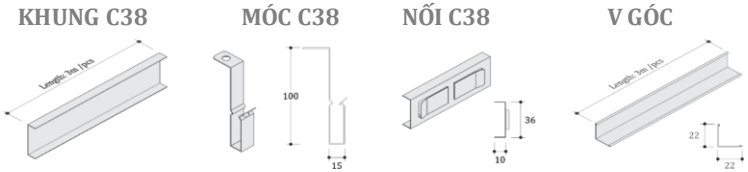
TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)







5. TẤM TRẦN NHÔM HOOK-ON

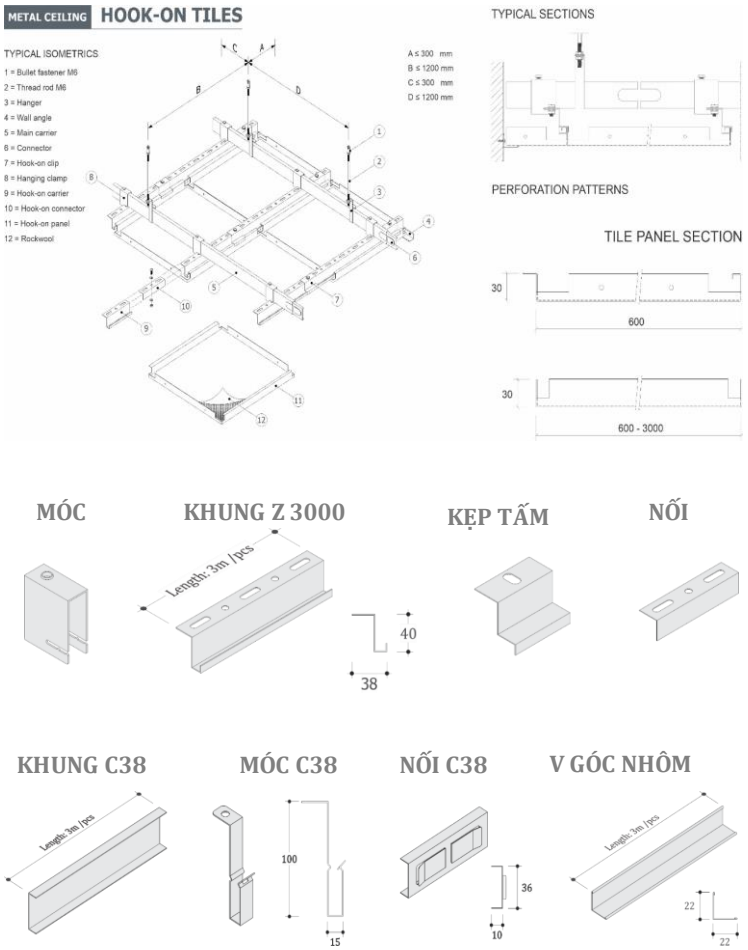
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Bề mặt trơn	Bề mặt đục lỗ
1	Tấm trần Hook-on 600x600x0.7mm, TD	Tấm	Liên hệ	Liên hệ
2	Tấm trần Hook-on 600x600x0.8mm, TD	Tấm	Liên hệ	Liên hệ
3	Tấm trần Hook-on 600x600x0.9mm, TD	Tấm	Liên hệ	Liên hệ
4	Tấm trần Hook-on 600x1200x0.8mm, TD	Tấm	Liên hệ	Liên hệ
5	Tấm trần Hook-on 600x1200x0.9mm, TD	Tấm	Liên hệ	Liên hệ
6	Tấm trần Hook-on 600x1200x1.0mm, TD	Tấm	Liên hệ	Liên hệ
7	Khung Hook-on 3000mm	Thanh	Liên hệ	Liên hệ
8	Móc Hook-on	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
9	Kẹp Hook-on	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
10	Nối Hook-on	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
11	Khung C38 A1 mạ kẽm	Thanh	Liên hệ	Liên hệ
12	Khung C38 A2 mạ kẽm	Thanh	Liên hệ	Liên hệ
13	Móc C38	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
14	Nối C38	Chiếc	Liên hệ	Liên hệ
15	V góc nhôm, 3000mm	Thanh	Liên hệ	Liên hệ

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



6. THANH TRẦN NHÔM CELL

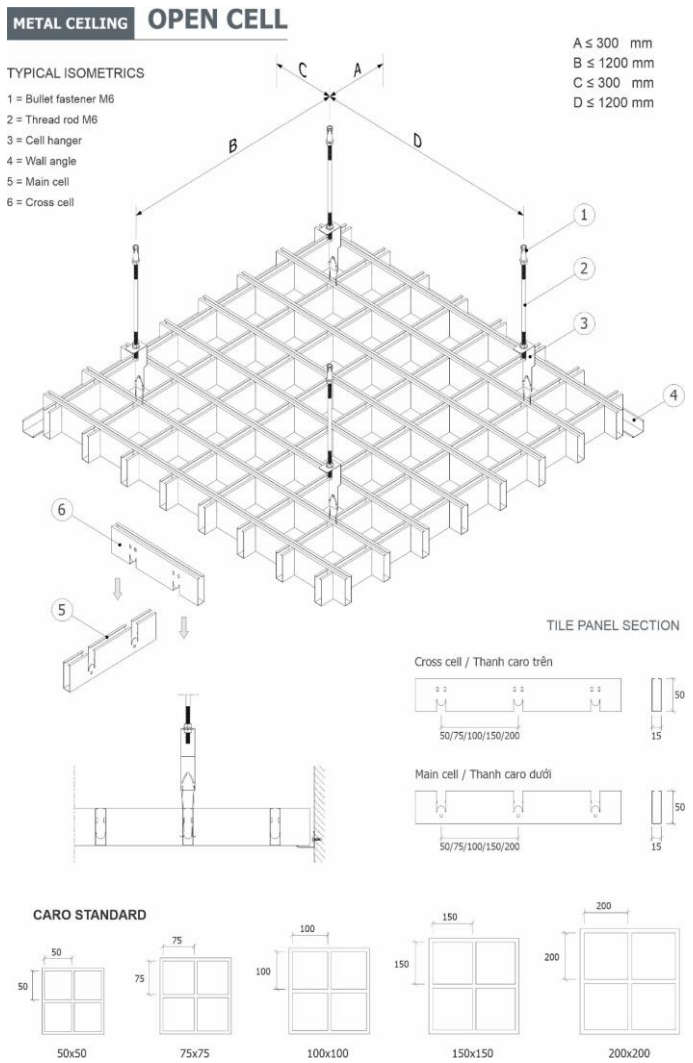
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu phổ thông	Màu vân gỗ
1	Thanh trần Cell 50x50x50x15x0.4mm	Thanh	53,000	54,000
2	Thanh trần Cell 50x50x50x15x0.5mm	Thanh	67,000	68,000
3	Thanh trần Cell 50x50x50x15x0.6mm	Thanh	81,000	83,000
4	Thanh trần Cell 75x75x50x15x0.4mm	Thanh	52,000	53,000
5	Thanh trần Cell 75x75x50x15x0.5mm	Thanh	65,000	67,000
6	Thanh trần Cell 75x75x50x15x0.6mm	Thanh	79,000	81,000
7	Thanh trần Cell 100x100x50x15x0.4mm	Thanh	52,000	53,000
8	Thanh trần Cell 100x100x50x15x0.5mm	Thanh	65,000	67,000
9	Thanh trần Cell 100x100x50x15x0.6mm	Thanh	80,000	83,000
10	Thanh trần Cell 150x150x50x15x0.4mm	Thanh	50,000	52,000
11	Thanh trần Cell 150x150x50x15x0.5mm	Thanh	64,000	65,000
12	Thanh trần Cell 150x150x50x15x0.6mm	Thanh	79,000	81,000
13	Thanh trần Cell 200x200x50x15x0.4mm	Thanh	52,000	53,000
14	Thanh trần Cell 200x200x50x15x0.5mm	Thanh	65,000	67,000
15	Thanh trần Cell 200x200x50x15x0.6mm	Thanh	80,000	83,000
16	Móc treo Inox 304	Chiếc	5,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm mác A3003 H14-H26

2. Đạt tiêu chuẩn ASTM B209/B209M



7. TẤM TRẦN NHÔM B-SHAPED

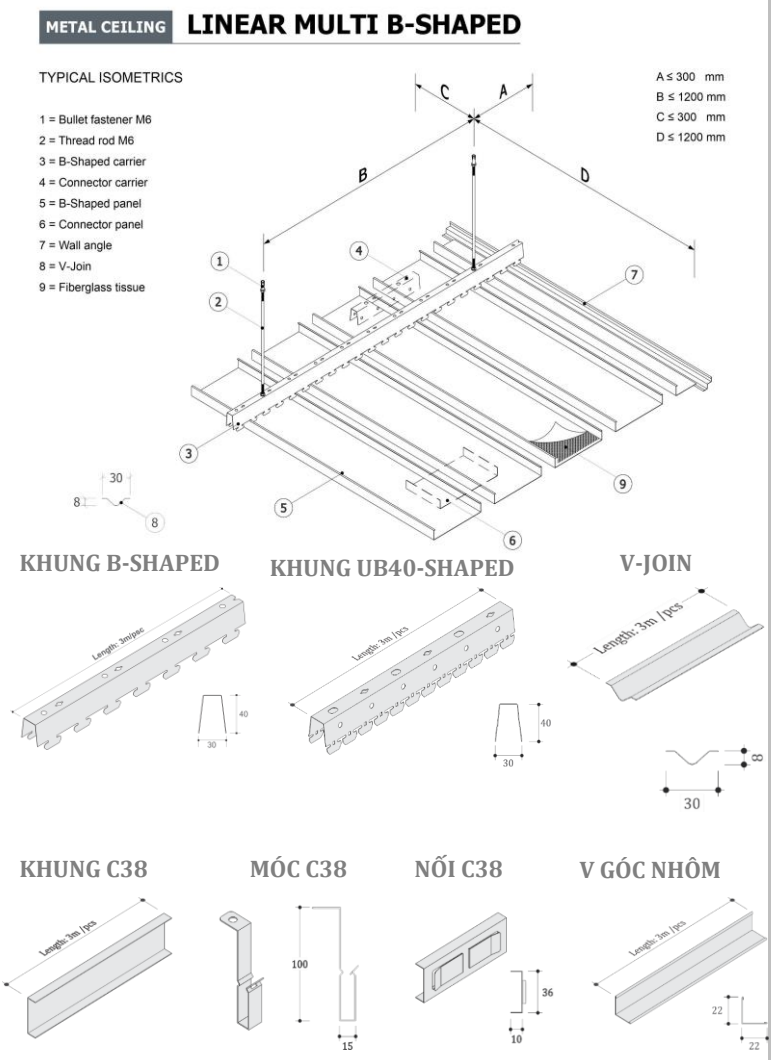
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần B30x25x0.6mm	M	30,000	31,000
2	Tấm trần B50x25x0.6mm	M	36,000	38,000
3	Tấm trần B80x25x0.6mm	M	46,000	47,000
4	Tấm trần B130x25x0.6mm	M	63,000	64,000
5	Tấm trần B180x25x0.6mm	M	79,000	81,000
6	Tấm trần B30x25x0.7mm	M	36,000	39,000
7	Tấm trần B80x25x0.7mm	M	57,000	61,000
8	Tấm trần B130x25x0.7mm	M	77,000	83,000
9	Tấm trần B180x25x0.7mm	M	98,000	105,000
10	Tấm trần B30x25x0.8mm	M	42,000	45,000
11	Tấm trần B80x25x0.8mm	M	65,000	70,000
12	Tấm trần B130x25x0.8mm	M	89,000	95,000
13	Tấm trần B180x25x0.8mm	M	112,000	120,000
14	Khung B sơn đen	Thanh	91,000	
15	Khung B mạ kẽm	Thanh	78,000	
16	Khung U-shaped sơn đen	Thanh	77,000	
17	Khung U-shaped mạ kẽm	Thanh	66,000	
18	Thanh V-Join	Thanh	38,000	
19	Khung C38 A1 mạ kẽm	Thanh	37,000	
20	Khung C38 A2 mạ kẽm	Thanh	28,000	
21	Móc C38	Chiếc	3,000	
22	Nối C38	Chiếc	2,000	
23	V góc nhôm, 3000mm	Chiếc	52,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



8. TẤM TRẦN NHÔM BF-SHAPED

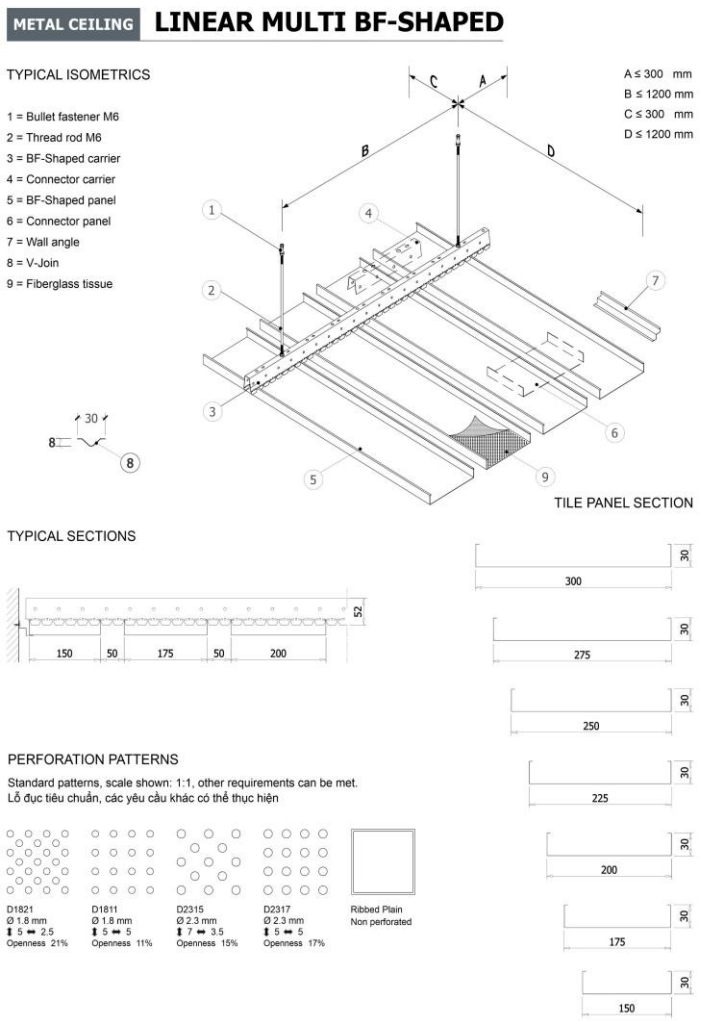
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Bề mặt trơn	Bề mặt đục lỗ
1	Tấm trần BF150x30x0.7mm	M	Liên hệ	Liên hệ
2	Tấm trần BF175x30x0.7mm	M	Liên hệ	Liên hệ
3	Tấm trần BF200x30x0.8mm	M	Liên hệ	Liên hệ
4	Tấm trần BF200x30x0.9mm	M	Liên hệ	Liên hệ
5	Tấm trần BF225x30x0.8mm	M	Liên hệ	Liên hệ
6	Tấm trần BF225x30x0.9mm	M	Liên hệ	Liên hệ
7	Tấm trần BF250x30x0.8mm	M	Liên hệ	Liên hệ
8	Tấm trần BF250x30x0.9mm	M	Liên hệ	Liên hệ
9	Tấm trần BF275x30x0.8mm	M	Liên hệ	Liên hệ
10	Tấm trần BF275x30x0.9mm	M	Liên hệ	Liên hệ
11	Tấm trần BF300x30x0.8mm	M	Liên hệ	Liên hệ
12	Tấm trần BF300x30x0.9mm	M	Liên hệ	Liên hệ
13	Khung B52 sơn đen, 3000mm	Chiếc	Liên hệ	
19	V góc nhôm, 3000mm	Chiếc	52,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



9. TẤM TRẦN NHÔM C-SHAPED

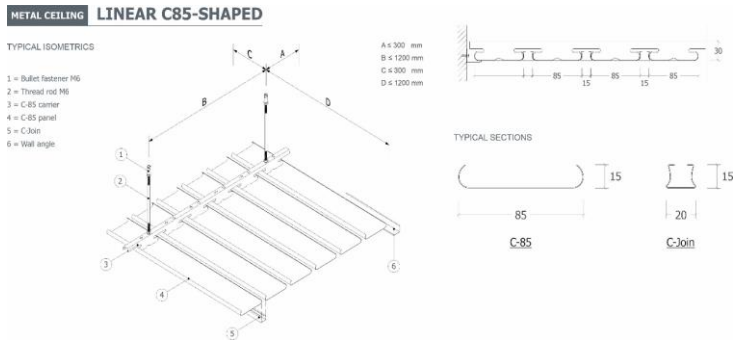
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

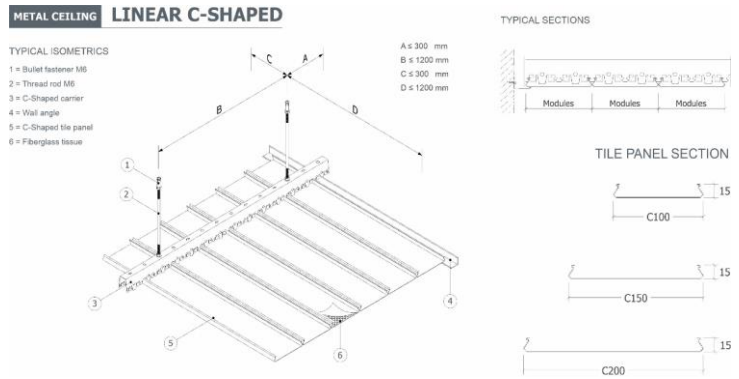
TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần C85x0.6mm	M	39,000	40,000
2	Tấm trần C85x0.7mm	M	48,000	49,000
3	Tấm trần C100x0.6mm	M	46,000	47,000
4	Tấm trần C100x0.7mm	M	56,000	61,000
5	Tấm trần C150x0.6mm	M	62,000	63,000
6	Tấm trần C150x0.7mm	M	77,000	82,000
7	Tấm trần C150x0.8mm	M	83,000	94,000
8	Tấm trần C200x0.7mm	M	101,000	104,000
9	Tấm trần C200x0.8mm	M	116,000	119,000
10	Khung trần C-shaped, mạ kẽm	Thanh	66,000	
11	V góc nhôm, 3000mm	Thanh	52,000	

TIÊU CHUẨN:

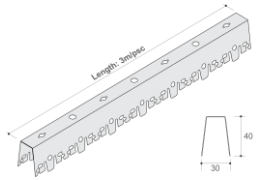
1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)

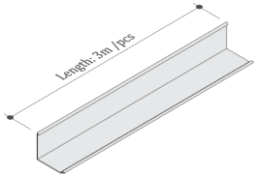




KHUNG C-SHAPED



V GÓC NHÔM



10. TẤM TRẦN NHÔM C80 & C300-SHAPED

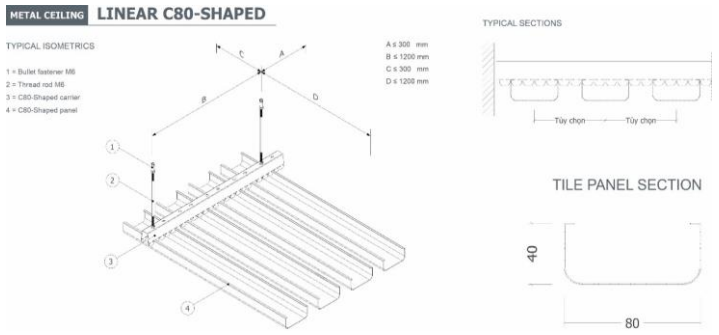
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

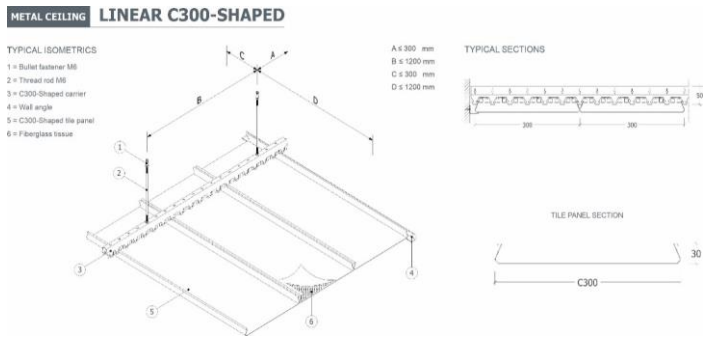
TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần C80x0.6mm	M	62,000	64,000
2	Tấm trần C80x0.7mm	M	73,000	75,000
3	Tấm trần C80x0.8mm	M	83,000	85,000
4	Tấm trần C300x0.7mm	M	152,000	Liên hệ
5	Tấm trần C300x0.8mm	M	175,000	Liên hệ
6	Tấm trần C300x0.9mm	M	207,000	Liên hệ
7	Tấm trần C300, dày 0.8mm, D1.8mm	M	191,000	Liên hệ
8	Tấm trần C300, dày 0.9mm, D1.8mm	M	225,000	Liên hệ
9	Khung trần C300-shaped, mạ kẽm	Thanh	66,000	
10	Khung UB-shaped sơn đen	Thanh	77,000	
11	V góc nhôm, 3000mm	Thanh	52,000	

<u>TIÊU CHUẨN:</u>

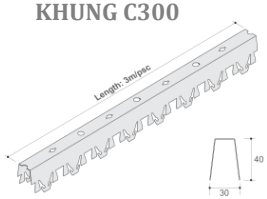
1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)

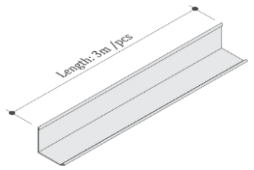




KHUNG C300

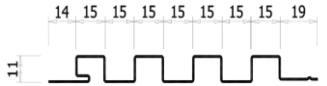
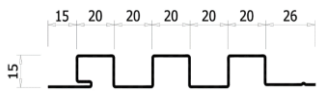
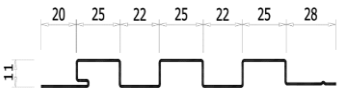
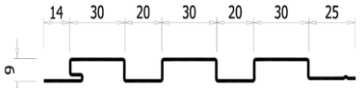
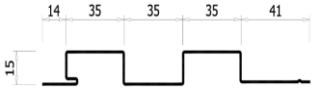
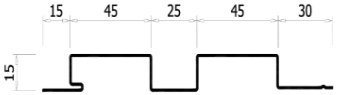
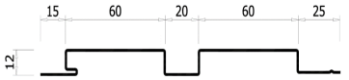
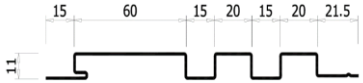
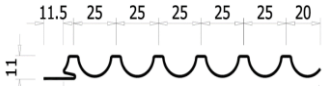
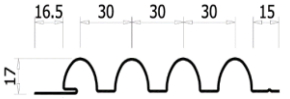
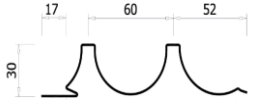
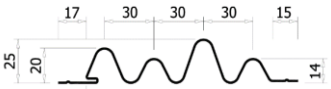


V GÓC NHÔM



11. TẤM NHÔM SÓNG

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%		TIÊU CHUẨN: 1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M) 2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*		
1	Tấm nhôm sóng F15x0.6mm *(khổ: 120mm)*	M	81,000	83,000	 Tấm nhôm sóng F15	 Tấm nhôm sóng F20
2	Tấm nhôm sóng F20x0.6mm *(khổ: 120mm)*	M	81,000	83,000		
3	Tấm nhôm sóng F25x0.6mm *(khổ: 140mm)*	M	81,000	83,000	 Tấm nhôm sóng	 Tấm nhôm sóng F30
4	Tấm nhôm sóng F30x0.6mm *(khổ: 150mm)*	M	81,000	83,000		
5	Tấm nhôm sóng F35x0.6mm *(khổ: 140mm)*	M	81,000	83,000	 Tấm nhôm sóng F35	 Tấm nhôm sóng F45
6	Tấm nhôm sóng F45x0.6mm *(khổ: 140mm)*	M	81,000	83,000		
7	Tấm nhôm sóng F60x0.6mm *(khổ: 160mm)*	M	81,000	83,000	 Tấm nhôm sóng F60	 Tấm nhôm sóng F6020
8	Tấm nhôm sóng F6020x0.6mm *(khổ: 145mm)*	M	81,000	83,000		
9	Tấm nhôm sóng S25x0.6mm *(khổ: 150mm)*	M	91,000	93,000	 Tấm nhôm sóng S25	 Tấm nhôm sóng S30
10	Tấm nhôm sóng S30x0.6mm *(khổ: 120mm)*	M	91,000	93,000		
11	Tấm nhôm sóng S60x0.6mm *(khổ: 120mm)*	M	92,000	94,000	 Tấm nhôm sóng S60	 Tấm nhôm sóng W30
12	Tấm nhôm sóng W30x0.6mm *(khổ: 120mm)*	M	91,000	93,000		

11. TẤM NHÔM SÓNG (tiếp)

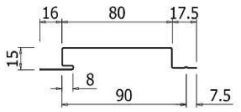
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm nhôm sóng F90x0.6mm	M	54,000	56,000
2	Tấm nhôm sóng F100x0.6mm	M	58,000	59,000
3	Tấm nhôm sóng F110x0.6mm	M	61,000	62,000
4	Tấm nhôm sóng F120x0.6mm	M	64,000	65,000
5	Tấm nhôm sóng F130x0.6mm	M	68,000	69,000
6	Tấm nhôm sóng F140x0.6mm	M	71,000	72,000
7	Tấm nhôm sóng F150x0.6mm	M	74,000	76,000
8	Tấm nhôm sóng F160x0.6mm	M	77,000	79,000
9	Tấm nhôm sóng F170x0.6mm	M	81,000	83,000
10	Tấm nhôm sóng F180x0.6mm	M	84,000	86,000
11	Tấm nhôm sóng F190x0.6mm	M	87,000	89,000
12	Tấm nhôm sóng F200x0.6mm	M	91,000	93,000

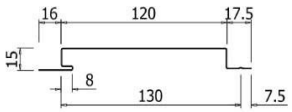
TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

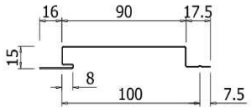
2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



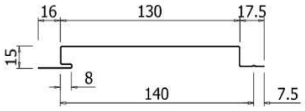
Tấm nhôm sóng F90



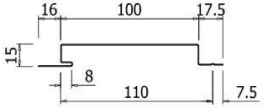
Tấm nhôm sóng F130



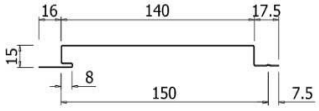
Tấm nhôm sóng F100



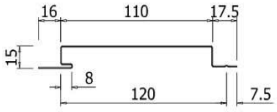
Tấm nhôm sóng F140



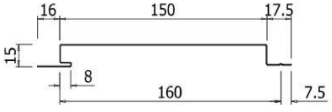
Tấm nhôm sóng F110



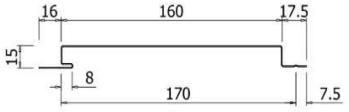
Tấm nhôm sóng F150



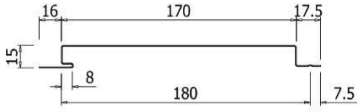
Tấm nhôm sóng F120



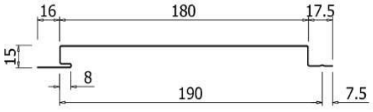
Tấm nhôm sóng F160



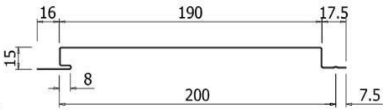
Tấm nhôm sóng F170



Tấm nhôm sóng F180



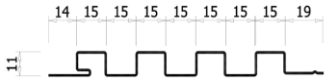
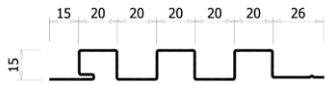
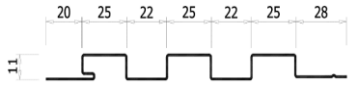
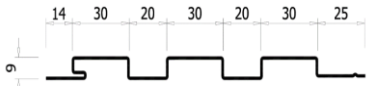
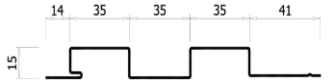
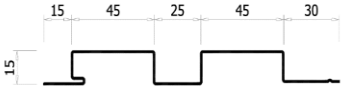
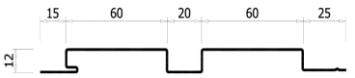
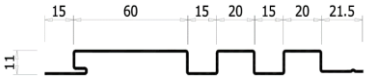
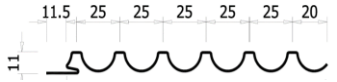
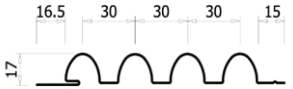
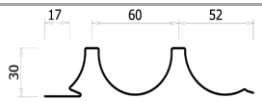
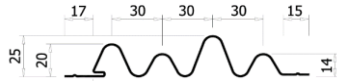
Tấm nhôm sóng F190



Tấm nhôm sóng F200

11. TẤM THÉP SÓNG

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%		**TIÊU CHUẨN:** 1. Thép cuộn CGCC theo tiêu chuẩn JIS G3312	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*		
1	Tấm thép sóng F15x0.3mm (khổ: 120mm)	M	40,000	40,000	 Tấm thép sóng F15	 Tấm thép sóng F20
2	Tấm thép sóng F20x0.3mm (khổ: 120mm)	M	40,000	40,000		
3	Tấm thép sóng F25x0.3mm (khổ: 140mm)	M	40,000	40,000	 Tấm thép sóng F25	 Tấm thép sóng F30
4	Tấm thép sóng F30x0.3mm (khổ: 150mm)	M	40,000	40,000		
5	Tấm thép sóng F35x0.3mm (khổ: 140mm)	M	40,000	40,000	 Tấm thép sóng F35	 Tấm thép sóng F45
6	Tấm thép sóng F45x0.3mm (khổ: 140mm)	M	40,000	40,000		
7	Tấm thép sóng F60x0.3mm (khổ: 160mm)	M	40,000	40,000	 Tấm thép sóng F60	 Tấm nhôm thép F6020
8	Tấm thép sóng F6020x0.3mm (khổ: 145mm)	M	40,000	40,000		
9	Tấm thép sóng S25x0.3mm (khổ: 150mm)	M	40,000	40,000	 Tấm thép sóng S25	 Tấm thép sóng S30
10	Tấm thép sóng S30x0.3mm (khổ: 120mm)	M	40,000	40,000		
11	Tấm thép sóng S60x0.3mm (khổ: 120mm)	M	40,000	40,000	 Tấm thép sóng S60	 Tấm thép sóng W30
12	Tấm thép sóng W30x0.3mm (khổ: 120mm)	M	40,000	40,000		

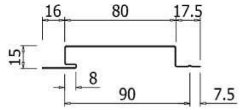
11. TẤM THÉP SÓNG (tiếp)

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

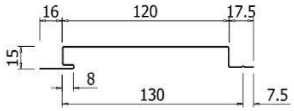
TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm thép sóng F90x0.3mm	M	28,000	28,000
2	Tấm thép sóng F100x0.3mm	M	29,000	29,000
3	Tấm thép sóng F110x0.3mm	M	31,000	31,000
4	Tấm thép sóng F120x0.3mm	M	32,000	32,000
5	Tấm thép sóng F130x0.3mm	M	34,000	34,000
6	Tấm thép sóng F140x0.3mm	M	35,000	35,000
7	Tấm thép sóng F150x0.3mm	M	37,000	37,000
8	Tấm thép sóng F160x0.3mm	M	38,000	38,000
9	Tấm thép sóng F170x0.3mm	M	40,000	40,000
10	Tấm thép sóng F180x0.3mm	M	41,000	41,000
11	Tấm thép sóng F190x0.3mm	M	43,000	43,000
12	Tấm thép sóng F200x0.3mm	M	44,000	44,000

TIÊU CHUẨN:

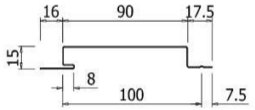
1. Thép cuộn CGCC theo tiêu chuẩn JIS G3312



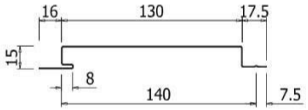
Tấm thép sóng F90



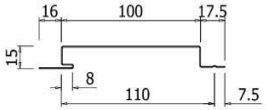
Tấm thép sóng F130



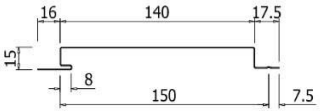
Tấm thép sóng F100



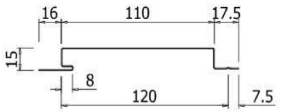
Tấm thép sóng F140



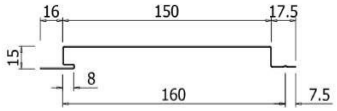
Tấm thép sóng F110



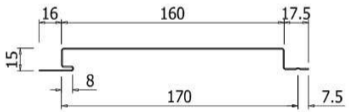
Tấm thép sóng F150



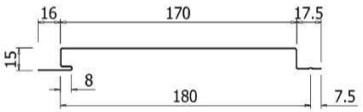
Tấm thép sóng F120



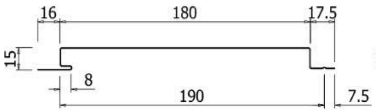
Tấm thép sóng F160



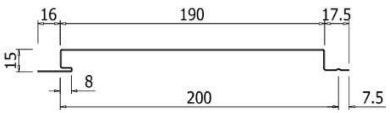
Tấm thép sóng F170



Tấm thép sóng F180



Tấm thép sóng F190



Tấm thép sóng F200

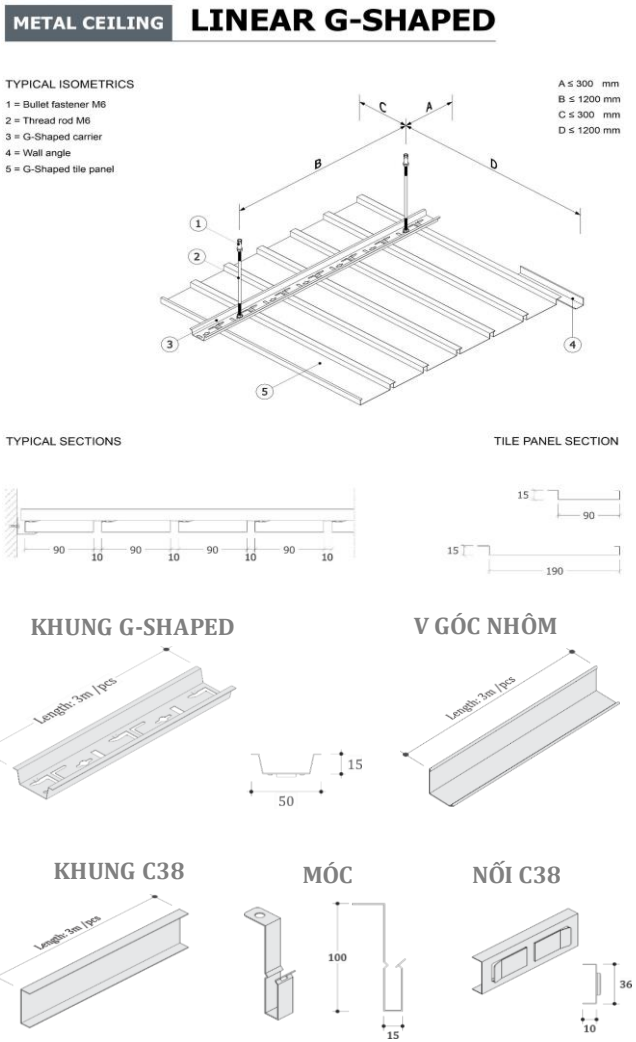
12. TẤM TRẦN NHÔM G-SHAPED

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần G100x0.6mm	M	49,000	50,000
2	Tấm trần G100x0.7mm	M	57,000	59,000
3	Tấm trần G100x0.8mm	M	66,000	67,000
4	Tấm trần G200x0.6mm	M	84,000	86,000
5	Tấm trần G200x0.7mm	M	99,000	101,000
6	Tấm trần G200x0.8mm	M	113,000	115,000
7	Khung trần G-Shaped	Thanh	60,000	
8	V góc nhôm, 3000mm	Thanh	52,000	
9	Khung C38 A1 mạ kẽm	Thanh	37,000	
10	Khung C38 A2 mạ kẽm	Thanh	28,000	
11	Móc C38	Chiếc	3,000	
12	Nối C38	Chiếc	2,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)
2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



13. TẤM TRẦN NHÔM O-TUBE

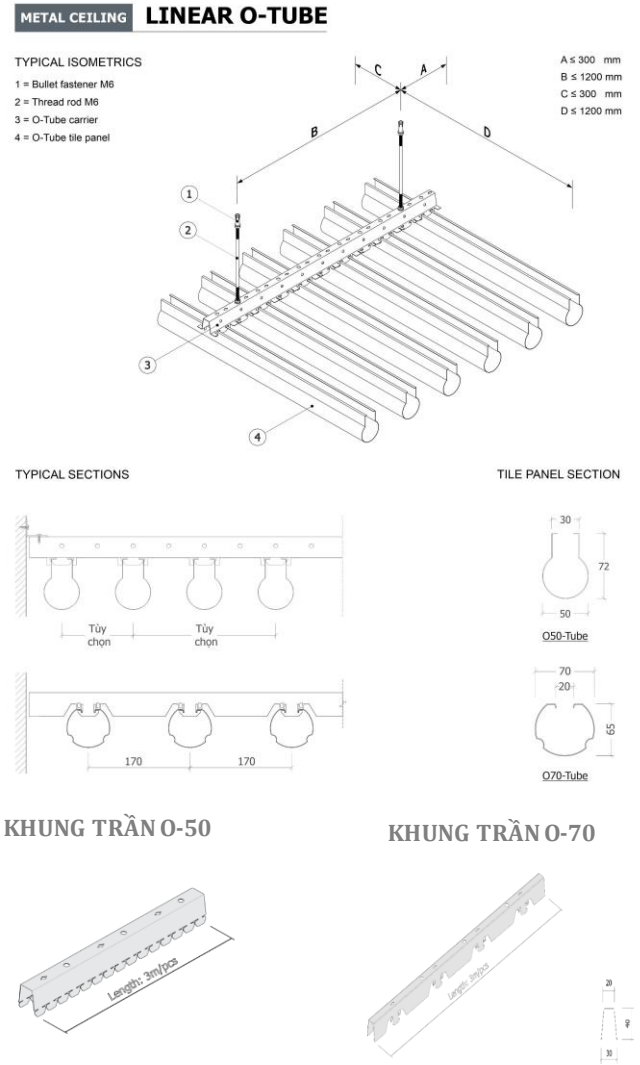
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần O50x0.6mm	M	70,000	71,000
2	Tấm trần O50x0.7mm	M	82,000	83,000
3	Tấm trần O50x0.8mm	M	93,000	95,000
4	Tấm trần O70x0.6mm	M	81,000	82,000
5	Tấm trần O70x0.7mm	M	94,000	96,000
6	Tấm trần O70x0.8mm	M	108,000	110,000
7	Khung UB-shaped sơn đen	Thanh	77,000	
8	Khung UB-shaped mạ kẽm	Thanh	66,000	
9	Khung O70-shaped mạ kẽm	Thanh	78,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



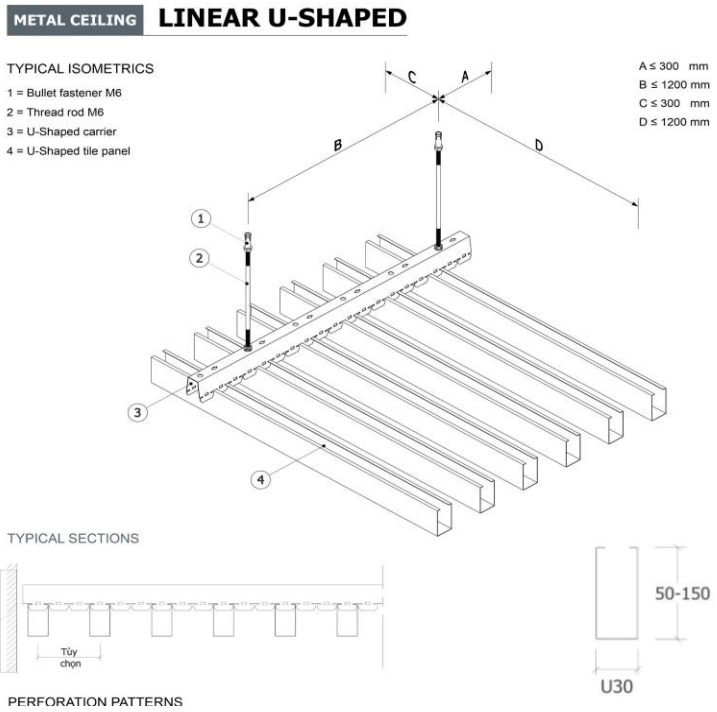
14. TẤM TRẦN NHÔM U30-SHAPED

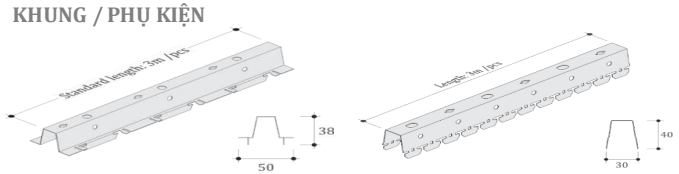
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần U30x50x0.6mm	M	46,000	47,000
2	Tấm trần U30x60x0.6mm	M	53,000	54,000
3	Tấm trần U30x70x0.6mm	M	59,000	61,000
4	Tấm trần U30x80x0.6mm	M	66,000	68,000
5	Tấm trần U30x100x0.6mm	M	79,000	81,000
6	Tấm trần U30x120x0.6mm	M	92,000	94,000
7	Tấm trần U30x150x0.6mm	M	111,000	114,000
8	Tấm trần U30x50x0.7mm	M	57,000	61,000
9	Tấm trần U30x60x0.7mm	M	65,000	70,000
10	Tấm trần U30x70x0.7mm	M	73,000	79,000
11	Tấm trần U30x80x0.7mm	M	81,000	87,000
12	Tấm trần U30x100x0.7mm	M	97,000	105,000
13	Tấm trần U30x120x0.7mm	M	114,000	122,000
14	Tấm trần U30x150x0.7mm	M	138,000	148,000
15	Khung UB-shaped sơn đen	Thanh	77,000	
16	Khung UB-shaped mã kẽm	Thanh	66,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)
2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)





15. TẤM TRẦN NHÔM U40-SHAPED

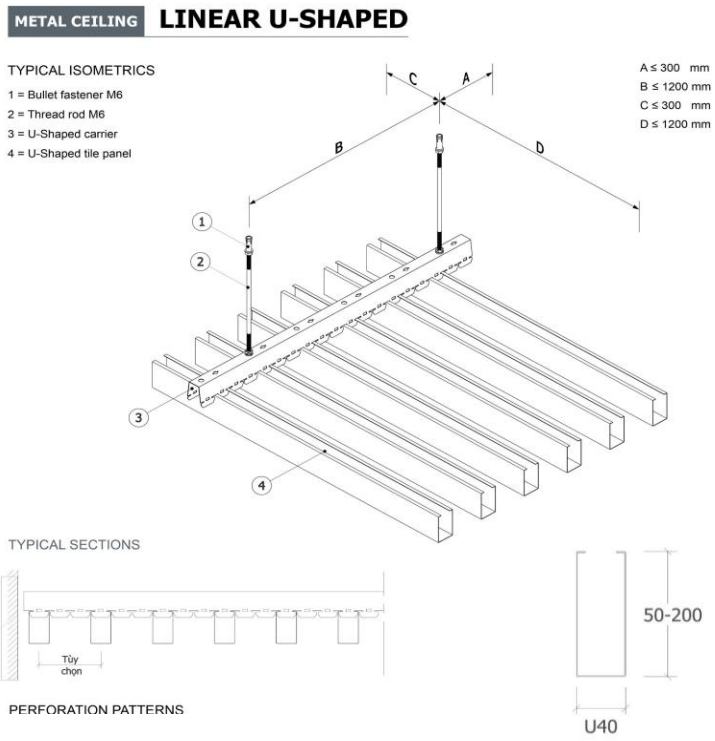
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

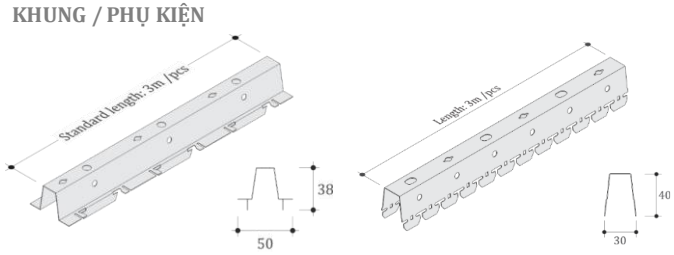
TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần U40x50x0.6mm	M	54,000	55,000
2	Tấm trần U40x60x0.6mm	M	61,000	62,000
3	Tấm trần U40x70x0.6mm	M	67,000	69,000
4	Tấm trần U40x80x0.6mm	M	74,000	76,000
5	Tấm trần U40x100x0.6mm	M	88,000	90,000
6	Tấm trần U40x120x0.6mm	M	102,000	104,000
7	Tấm trần U40x150x0.6mm	M	122,000	125,000
8	Tấm trần U40x50x0.7mm	M	63,000	66,000
9	Tấm trần U40x60x0.7mm	M	71,000	75,000
10	Tấm trần U40x70x0.7mm	M	79,000	83,000
11	Tấm trần U40x80x0.7mm	M	87,000	92,000
12	Tấm trần U40x100x0.7mm	M	103,000	110,000
13	Tấm trần U40x120x0.7mm	M	119,000	127,000
14	Tấm trần U40x150x0.7mm	M	143,000	153,000
15	Khung UB-shaped sơn đen	Thanh	77,000	
16	Khung UB-shaped mạ kẽm	Thanh	66,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)





16. TẤM TRẦN NHÔM U50-SHAPED

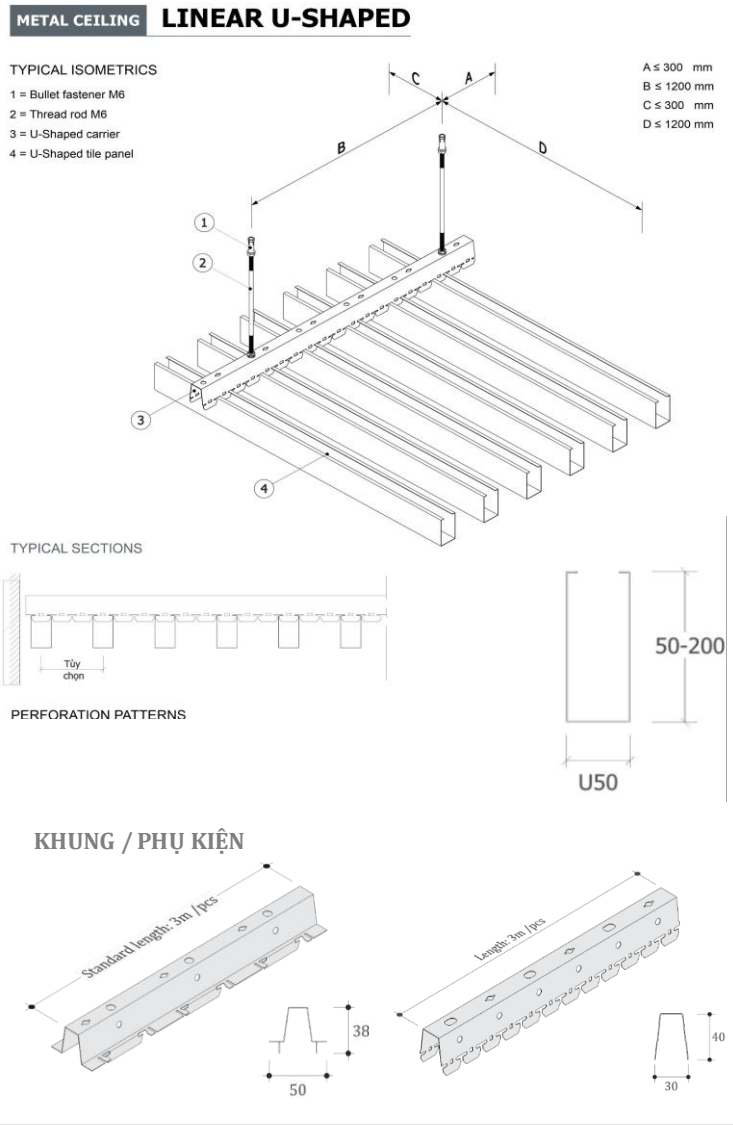
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần U50x50x0.6mm	M	53,000	55,000
2	Tấm trần U50x60x0.6mm	M	60,000	62,000
3	Tấm trần U50x70x0.6mm	M	66,000	68,000
4	Tấm trần U50x80x0.6mm	M	73,000	75,000
5	Tấm trần U50x100x0.6mm	M	85,000	88,000
6	Tấm trần U50x150x0.6mm	M	118,000	122,000
7	Tấm trần U50x200x0.6mm	M	151,000	155,000
8	Tấm trần U50x50x0.7mm	M	66,000	71,000
9	Tấm trần U50x60x0.7mm	M	74,000	80,000
10	Tấm trần U50x70x0.7mm	M	82,000	88,000
11	Tấm trần U50x80x0.7mm	M	90,000	97,000
12	Tấm trần U50x100x0.7mm	M	106,000	113,000
13	Tấm trần U50x150x0.7mm	M	147,000	158,000
14	Tấm trần U50x200x0.7mm	M	188,000	201,000
15	Khung UB-shaped sơn đen	Thanh	77,000	
16	Khung UB-shaped mạ kẽm	Thanh	66,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



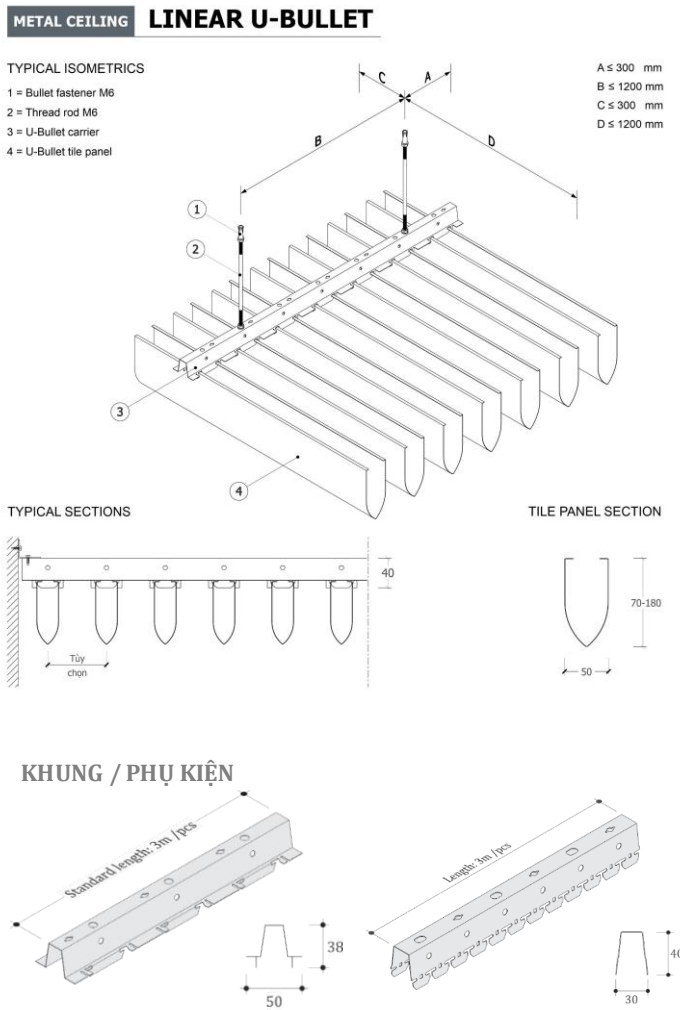
17. TẤM TRẦN NHÔM U50-BULLET

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần UD50x80x0.6mm	M	70,000	72,000
2	Tấm trần UD50x100x0.6mm	M	84,000	86,000
3	Tấm trần UD50x120x0.6mm	M	98,000	101,000
4	Tấm trần UD50x150x0.6mm	M	120,000	122,000
5	Tấm trần UD50x180x0.6mm	M	141,000	144,000
6	Tấm trần UD50x80x0.7mm	M	82,000	83,000
7	Tấm trần UD50x100x0.7mm	M	98,000	100,000
8	Tấm trần UD50x120x0.7mm	M	115,000	117,000
9	Tấm trần UD50x150x0.7mm	M	140,000	143,000
10	Tấm trần UD50x180x0.7mm	M	165,000	169,000
11	Tấm trần UD50x80x0.8mm	M	93,000	95,000
12	Tấm trần UD50x100x0.8mm	M	112,000	115,000
13	Tấm trần UD50x120x0.8mm	M	131,000	134,000
14	Tấm trần UD50x150x0.8mm	M	160,000	164,000
15	Tấm trần UD50x180x0.8mm	M	189,000	194,000
15	Khung UB-shaped sơn đen	Thanh	77,000	
16	Khung UB-shaped mạ kẽm	Thanh	66,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)
2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



18. TẤM TRẦN NHÔM V-SCREENS

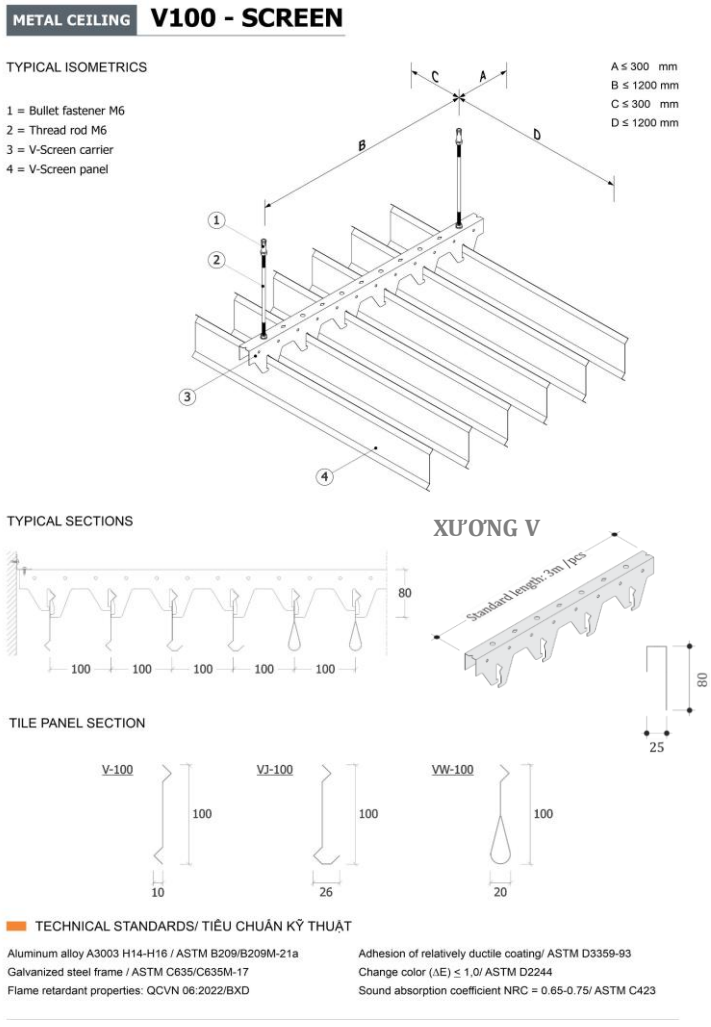
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Vân gỗ*
1	Tấm trần V100x0.6mm	M	42,000	43,000
2	Tấm trần V100x0.7mm	M	49,000	51,000
3	Tấm trần V100x0.8mm	M	56,000	58,000
4	Tấm trần VJ100x0.6mm	M	50,000	51,000
5	Tấm trần VJ100x0.7mm	M	58,000	59,000
6	Tấm trần VJ100x0.8mm	M	66,000	68,000
7	Khung V-Screen mạ kẽm	Thanh	86,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)

2. Khung và phụ kiện (ASTM C635/C635M17)



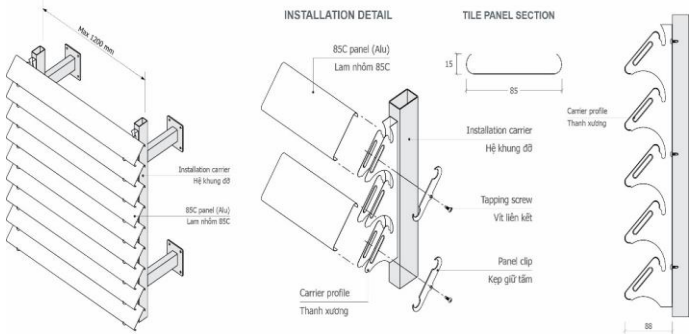
19. LAM CHẮN NẮNG 85C/85R/132S

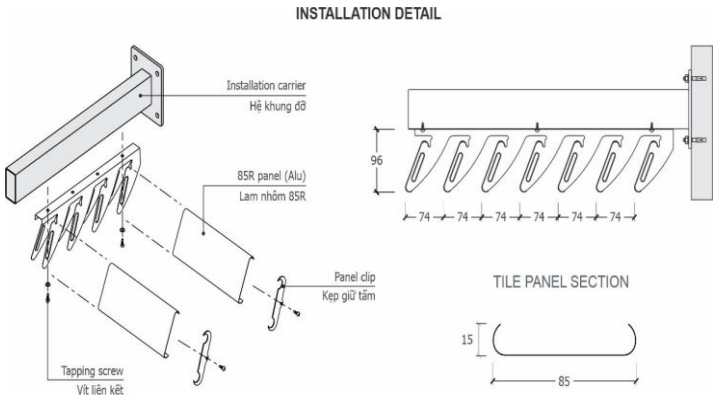
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

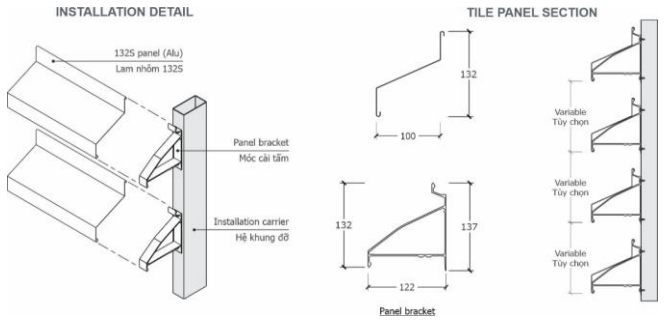
TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	
			Màu Phổ thông	*Màu Đặc biệt*
1	Lam chắn nắng 85Cx0.6mm	M	37,000	39,000
2	Lam chắn nắng 85Cx0.7mm	M	46,000	47,000
3	Lam chắn nắng 85Cx0.8mm	M	53,000	54,000
4	Khung chắn nắng 85C	Chiếc	100,000	
5	Lam chắn nắng 85Rx0.6mm	M	37,000	39,000
6	Lam chắn nắng 85Rx0.7mm	M	46,000	47,000
7	Lam chắn nắng 85Rx0.8mm	M	53,000	54,000
8	Khung chắn nắng 85R	Chiếc	100,000	
9	Lam chắn nắng 132Sx0.6mm	M	73,000	77,000
10	Lam chắn nắng 132Sx0.7mm	M	91,000	93,000
11	Lam chắn nắng 132Sx0.8mm	M	104,000	106,000
12	Móc treo chắn nắng 132S	Chiếc	23,000	

TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H26 (ASTM B209/B209M)







20. LAM CHẮN NẮNG AZ

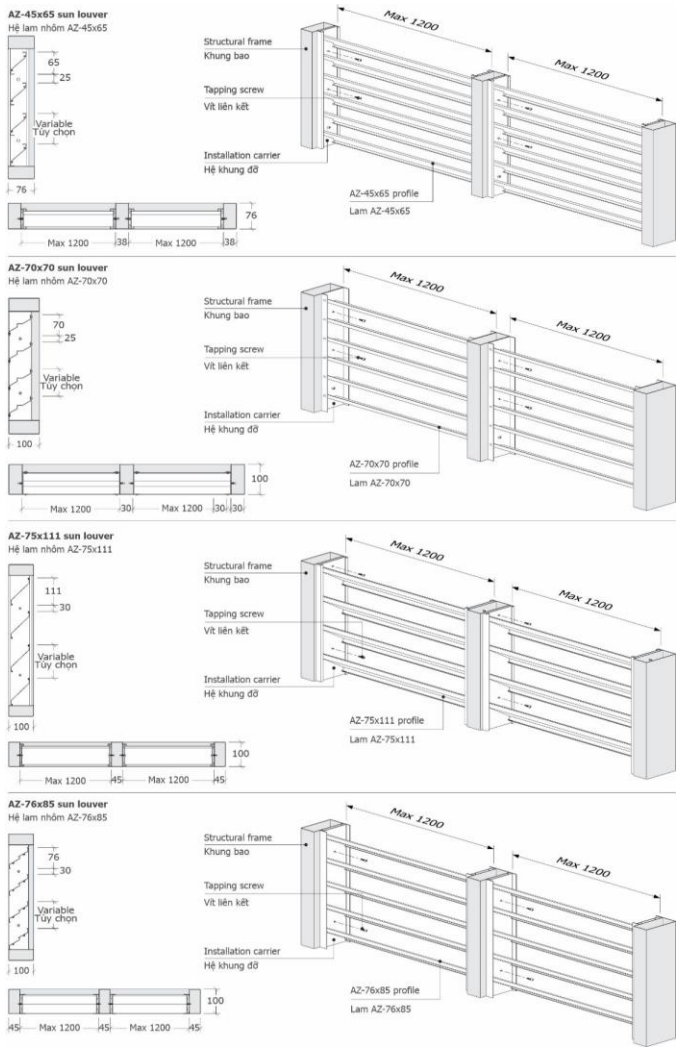
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10% *Màu phổ thông*
1	Lam nhôm thanh Z45510	M	105,000
2	Khung nhôm thanh Z45510	M	81,000
3	Lam nhôm thanh Z7012	M	109,000
4	Khung nhôm thanh Z7015	M	117,000
5	Lam nhôm thanh Z7516	M	200,000
6	Khung nhôm thanh Z7521	M	211,000
7	Lam nhôm thanh Z7615	M	201,000
8	Khung nhôm thanh Z7615	M	156,000

GHI CHÚ:

1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)

2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn



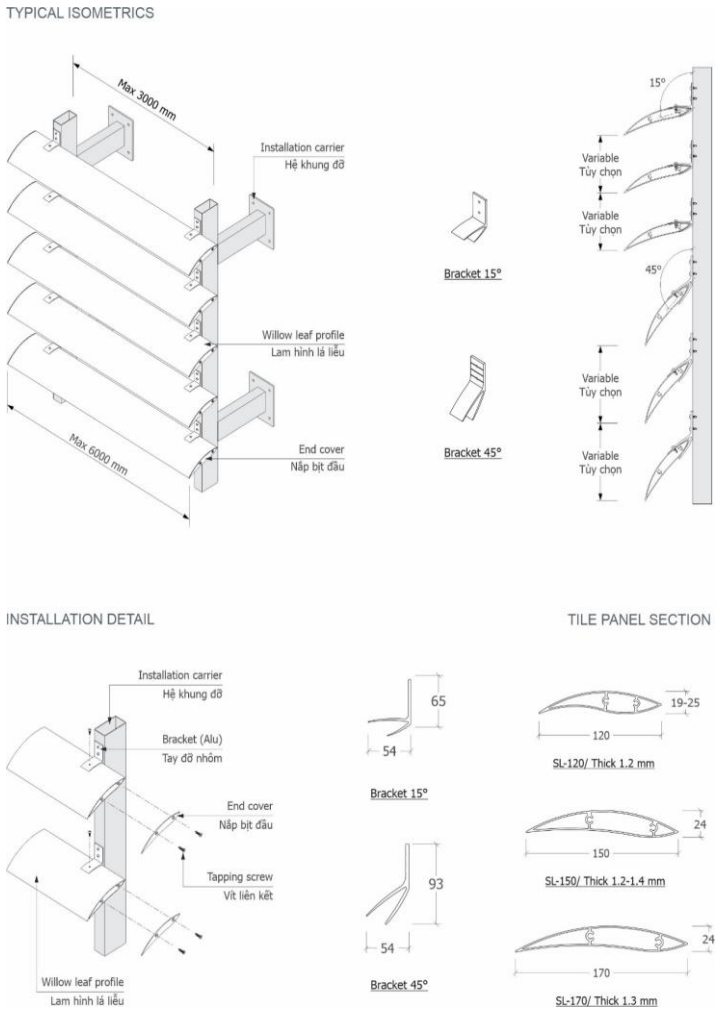
21. LAM CHẮN NẮNG HÌNH LÁ LIỄU

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%
			Màu phổ thông
1	Lam nhôm lá liễu 12012	M	286,000
2	Lam nhôm lá liễu 15014	M	393,000
3	Lam nhôm lá liễu 17013	M	415,000
4	Bịt đầu lá liễu 150	Chiếc	16,000
5	Bịt đầu lá liễu 170	Chiếc	17,000
6	Tay đỡ lá liễu 15 độ	Chiếc	11,000
7	Tay đỡ lá liễu 45 độ	Chiếc	18,000

GHI CHÚ:

1. **Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)**
2. **Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩnn**
3. **Giá bịt đầu chưa bao gồm sơn**



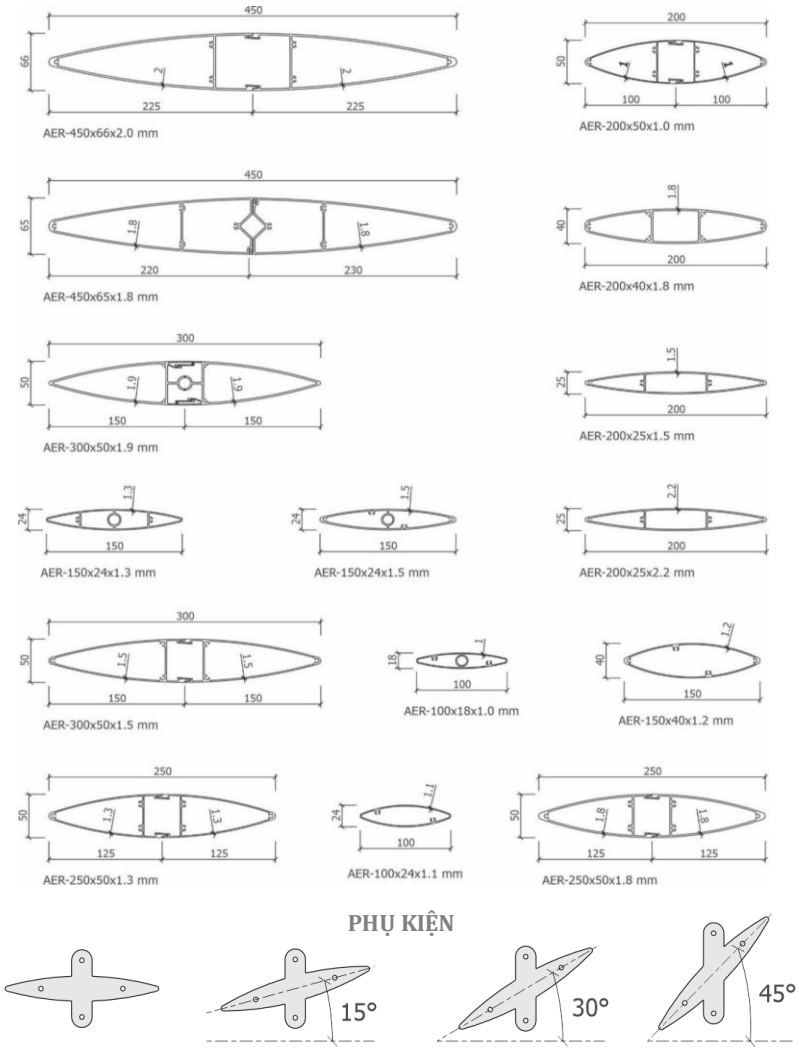
22. LAM CHẮN NẮNG HÌNH THOI

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%
			Màu phổ thông
1	Lam nhôm thoi AER 1001810	M	221,000
2	Lam nhôm thoi AER 1002411	M	206,000
3	Lam nhôm thoi AER 1504012	M	360,000
4	Lam nhôm thoi AER 1502413	M	421,000
5	Lam nhôm thoi AER 1502415	M	440,000
6	Lam nhôm thoi AER 2002515	M	540,000
7	Lam nhôm thoi AER 2005010	M	555,000
8	Lam nhôm thoi AER 2004018	M	715,000
9	Lam nhôm thoi AER 2505013	M	758,000
10	Lam nhôm thoi AER 3005015	M	965,000
11	Lam nhôm thoi AER 2505018	M	1,021,000
12	Lam nhôm thoi AER 3005019	M	1,186,000
13	Lam nhôm thoi AER 4506518	M	1,779,000
14	Lam nhôm thoi AER 4506620	M	1,803,000
15	Bịt đầu thoi 150	Chiếc	18,000
16	Bịt đầu thoi 200	Chiếc	33,000
17	Bịt đầu thoi 300	Chiếc	47,000
18	Bịt đầu thoi 450	Chiếc	92,000

GHI CHÚ:

1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)
2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn
3. Giá phụ kiện chưa bao gồm sơn



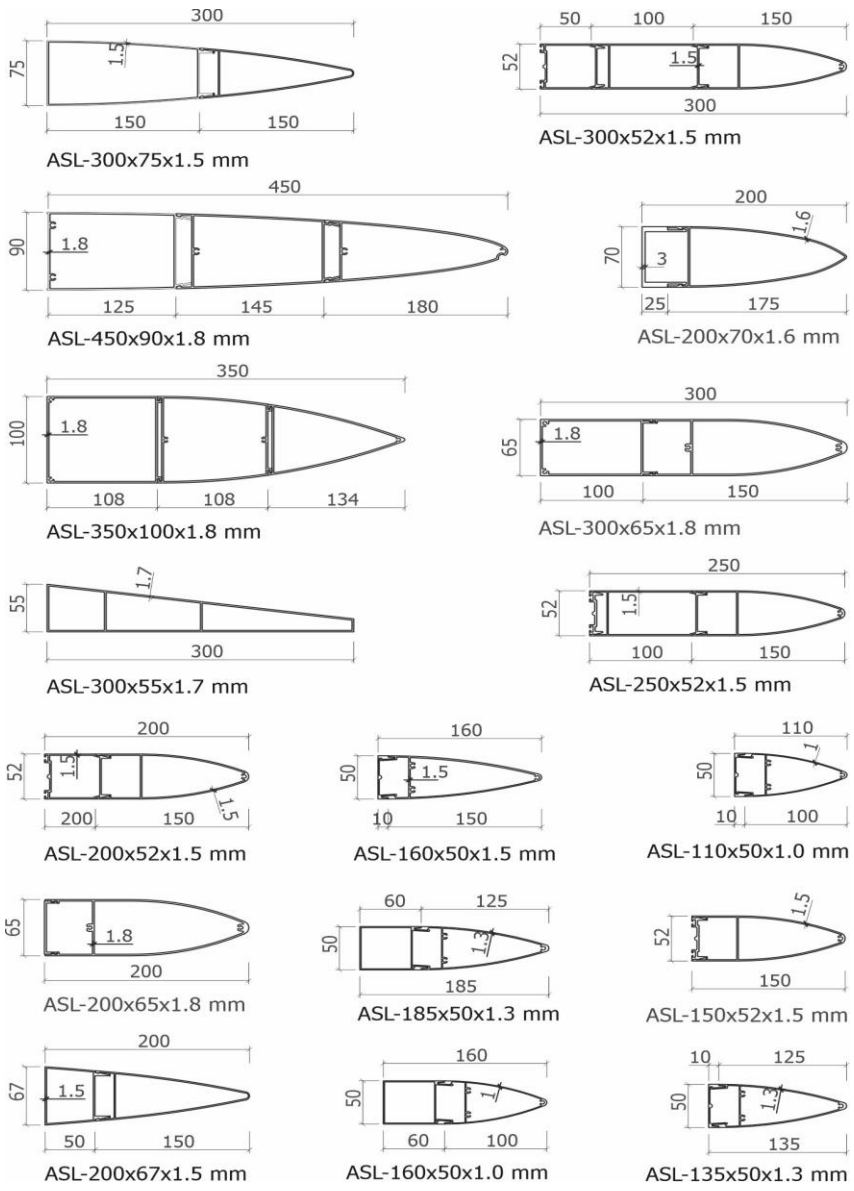
23. LAM CHẮN NẮNG HÌNH ĐẦU ĐẠN

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%
			Màu phổ thông
1	Lam nhôm đạn ASL 1105010	M	393,000
2	Lam nhôm đạn ASL 1355013	M	495,000
3	Lam nhôm đạn ASL 1505215	M	580,000
4	Lam nhôm đạn ASL 1605010	M	513,000
5	Lam nhôm đạn ASL 1605015	M	598,000
6	Lam nhôm đạn ASL 1855013	M	615,000
7	Lam nhôm đạn ASL 2006715	M	721,000
8	Lam nhôm đạn ASL 2005215	M	732,000
9	Lam nhôm đạn ASL 2006518	M	863,000
10	Lam nhôm đạn ASL 2007016	M	960,000
11	Lam nhôm đạn ASL 2505215	M	953,000
12	Lam nhôm đạn ASL 3007515	M	962,000
13	Lam nhôm đạn ASL 3005517	M	1,000,000
14	Lam nhôm đạn ASL 3005215	M	1,106,000
15	Lam nhôm đạn ASL 3006518	M	1,247,000
16	Lam nhôm đạn ASL 35010018	M	1,717,000
17	Lam nhôm đạn ASL 4509018	M	1,989,000
18	Bịt đầu đạn 150	Chiếc	18,000
19	Bịt đầu đạn 200	Chiếc	33,000
20	Bịt đầu đạn 300	Chiếc	47,000
21	Bịt đầu đạn 450	Chiếc	92,000

GHI CHÚ:

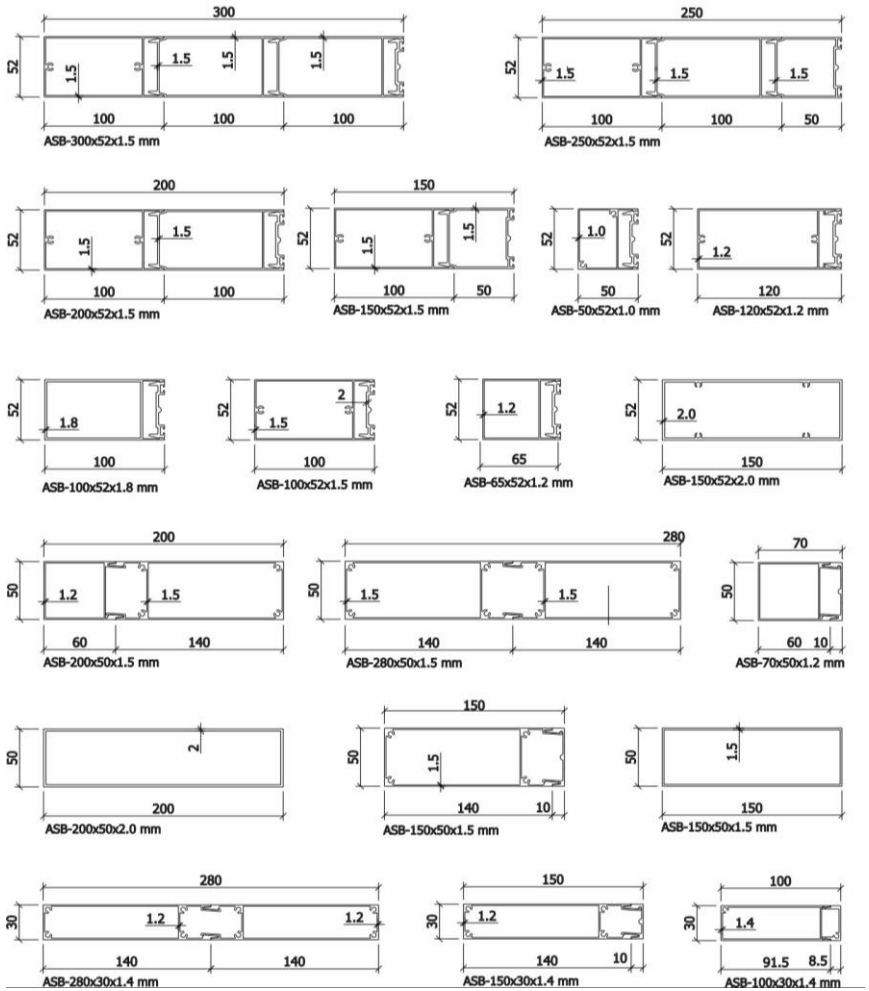
1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)
2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn
3. Giá phụ kiện chưa bao gồm sơn



24. LAM CHẮN NẮNG HÌNH HỘP

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%	**GHI CHÚ:** **1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)** **2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn** **3. Giá phụ kiện chưa bao gồm sơn**
			Màu phổ thông	
1	Lam nhôm hộp ASB 505210	M	326,000	
2	Lam nhôm hộp ASB 705012	M	362,000	
3	Lam nhôm hộp ASB 1003014	M	329,000	
4	Lam nhôm hộp ASB 1005212	M	455,000	
5	Lam nhôm hộp ASB 1005215	M	503,000	
6	Lam nhôm hộp ASB 1204515	M	376,000	
7	Lam nhôm hộp ASB 1205212	M	486,000	
8	Lam nhôm hộp ASB 10010013	M	611,000	
9	Lam nhôm hộp ASB 10010020	M	606,000	
10	Lam nhôm hộp ASB 1505015	M	457,000	
11	Lam nhôm hộp ASB 1704514	M	488,000	
12	Lam nhôm hộp ASB 1503014	M	546,000	
13	Lam nhôm hộp ASB 1503021	M	593,000	
14	Lam nhôm hộp ASB 1505220	M	637,000	
15	Lam nhôm hộp ASB 1505015G	M	664,000	
16	Lam nhôm hộp ASB 1505215	M	667,000	
17	Lam nhôm hộp ASB 1857014	M	699,000	
18	Lam nhôm hộp ASB 2005020	M	761,000	
19	Lam nhôm hộp ASB 17410013	M	831,000	
20	Bịt đầu hộp 150	Chiếc	18,000	



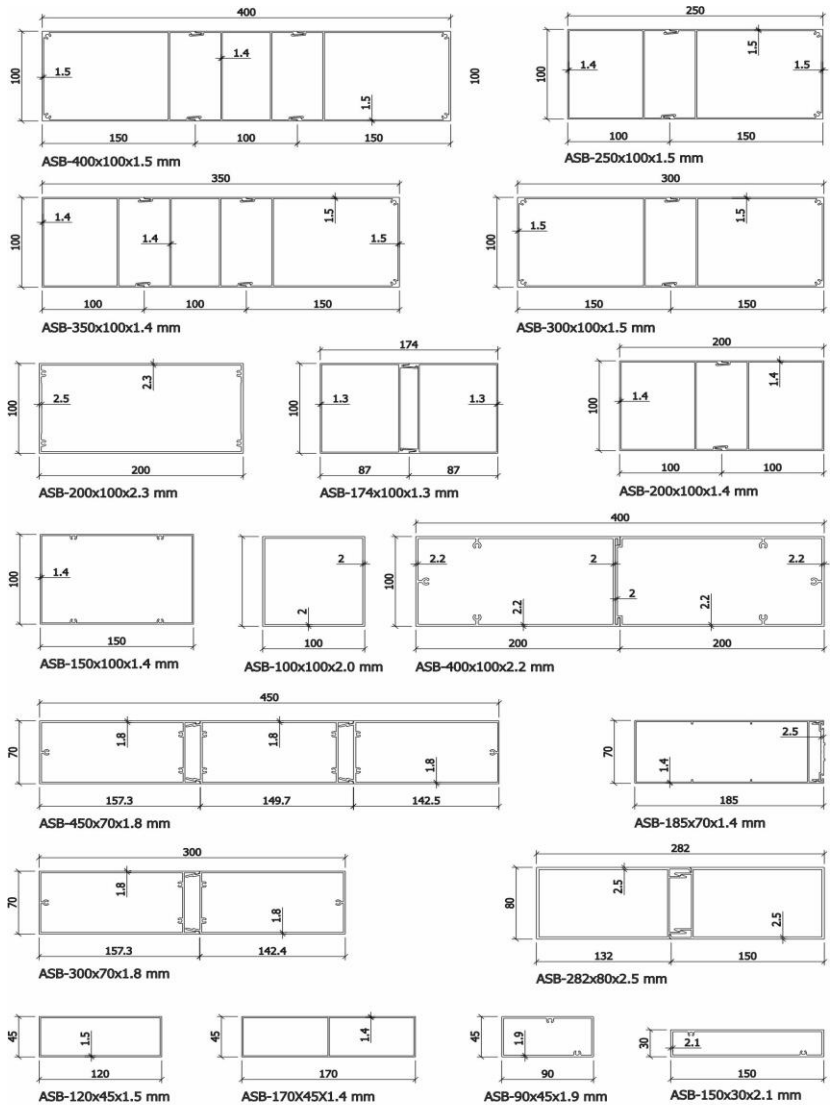
24. LAM CHẮN NẮNG HÌNH HỘP (tiếp)

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10%
			Màu phổ thông
1	Lam nhôm hộp ASB 2005015	M	794,000
2	Lam nhôm hộp ASB 2005215	M	828,000
3	Lam nhôm hộp ASB 2803014	M	899,000
4	Lam nhôm hộp ASB 20010014	M	919,000
5	Lam nhôm hộp ASB 2505215	M	981,000
6	Lam nhôm hộp ASB 2805015	M	1,096,000
7	Lam nhôm hộp ASB 25010015	M	1,105,000
8	Lam nhôm hộp ASB 20010023	M	1,141,000
9	Lam nhôm hộp ASB 3005215	M	1,202,000
10	Lam nhôm hộp ASB 30010015	M	1,291,000
11	Lam nhôm hộp ASB 3007018	M	1,330,000
12	Lam nhôm hộp ASB 35010014	M	1,595,000
13	Lam nhôm hộp ASB 2828025	M	1,666,000
14	Lam nhôm hộp ASB 40010015	M	1,781,000
15	Lam nhôm hộp ASB 4507018	M	2,025,000
16	Lam nhôm hộp ASB 40010022	M	2,217,000
17	Bịt đầu hộp 200	Chiếc	33,000
18	Bịt đầu hộp 300	Chiếc	47,000
19	Bịt đầu hộp 450	Chiếc	84,000

GHI CHÚ:

1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)
2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn
3. Giá phụ kiện chưa bao gồm sơn



25. LAM CHẮN NẮNG HÌNH CÁNH CUNG

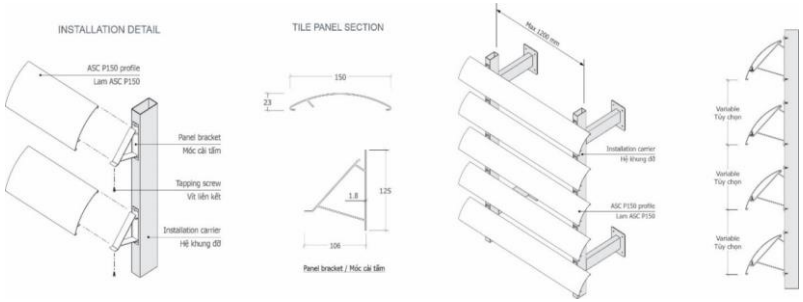
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

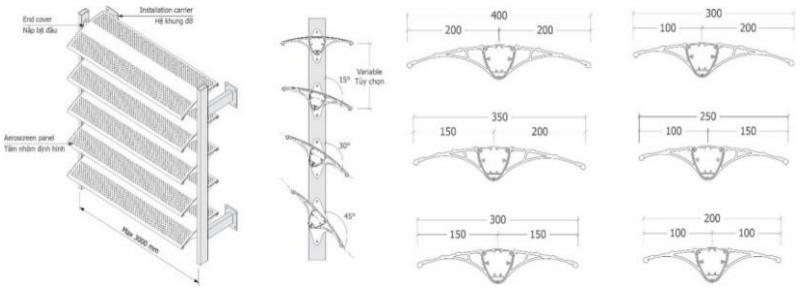
TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10% *Màu phổ thông*
1	Lam nhôm thanh CANH CUNG P150	M	194,000
2	Móc cánh cung P150	chiếc	26,000
3	Lam nhôm cánh cung AERO200	M	Liên hệ
4	Lam nhôm cánh cung AERO250	M	Liên hệ
5	Lam nhôm cánh cung AERO300	M	Liên hệ
6	Lam nhôm cánh cung AERO350	M	Liên hệ
7	Lam nhôm cánh cung AERO400	M	Liên hệ

GHI CHÚ:

1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21)

2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn





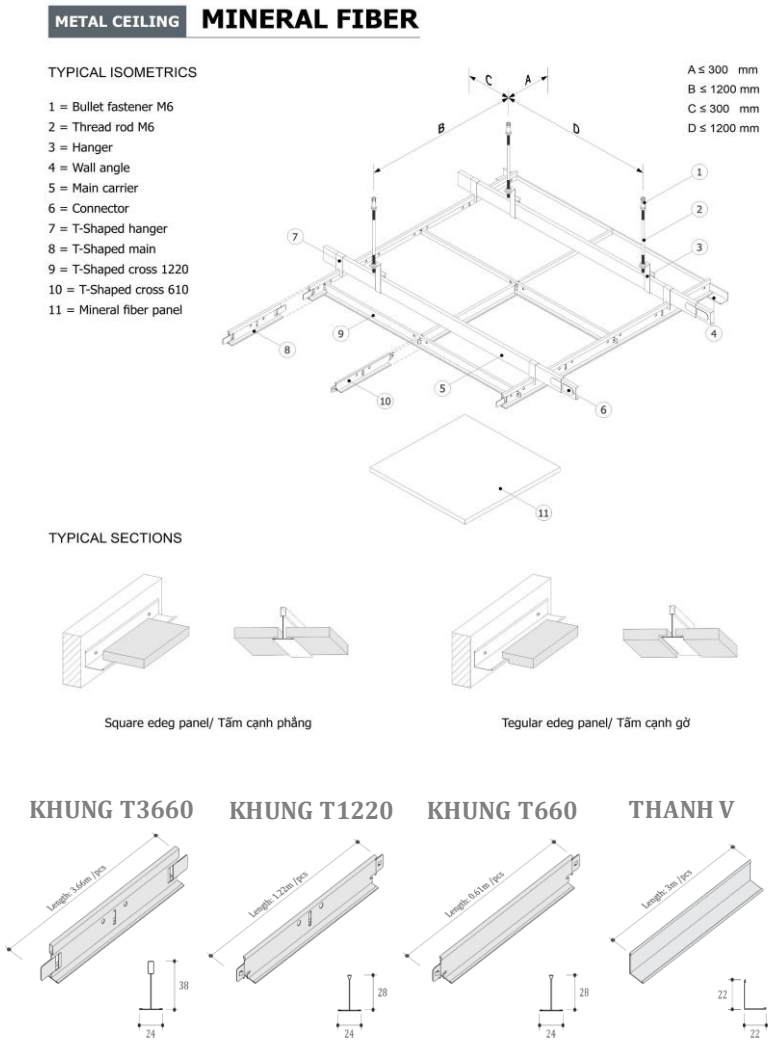
26. SỢI KHOÁNG

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT *Màu phổ thông*
1	Tấm trần sợi khoáng 603x603x15mm, cạnh vuông	tấm	51,000
2	Tấm trần sợi khoáng 603x603x15mm, cạnh gờ	tấm	55,000
3	T-shaped 38x24x3660mm	Thanh	50,000
4	T-shaped 28x24x1220mm	Thanh	15,000
5	T-shaped 28x24x610mm	Thanh	9,000
6	V góc thép 22x22x3000mm	Thanh	22,000

GHI CHÚ:

1. Giá chưa bao gồm vận chuyển và lắp đặt



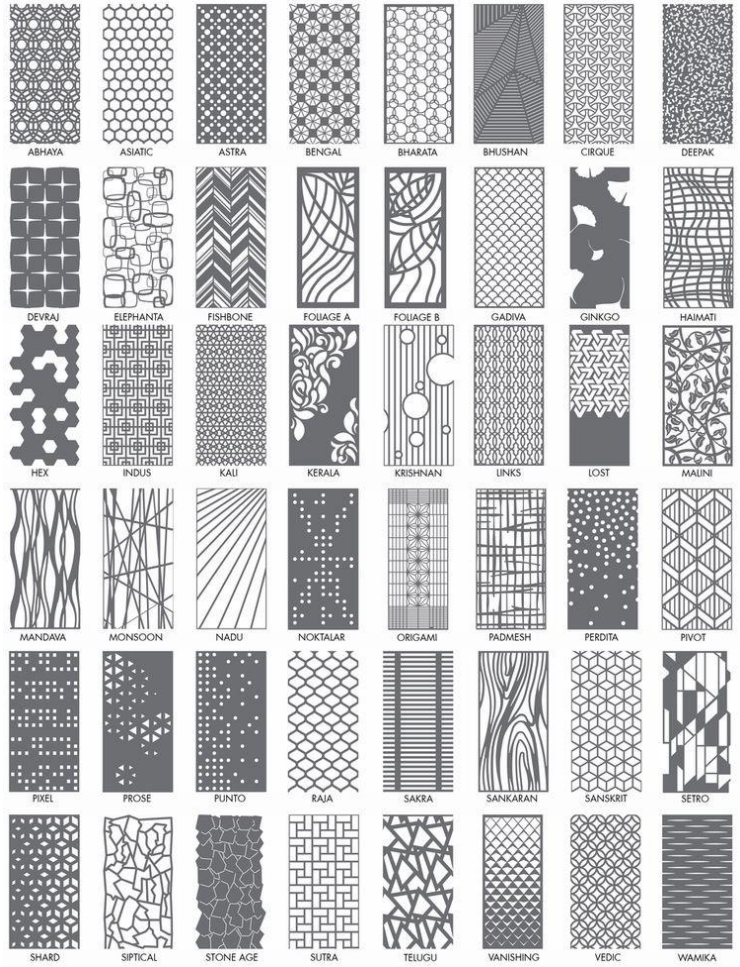
27. TẤM ỐP NHÔM ĐA HÌNH

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

TT	SẢN PHẨM	LỚP PHỦ	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) Chưa bao gồm thuế VAT 10% *Đơn giá áp dụng cho màu đơn sắc*
1	Tấm ốp, dày 1.5mm, TD	Sơn tĩnh điện	M2	1,500,000
2	Tấm ốp, dày 2.0mm, TD		M2	1,800,000
3	Tấm ốp, dày 3.0mm, TD		M2	2,500,000
4	Tấm ốp, dày 0.8mm, PE	Sơn PE	M2	Liên hệ
5	Tấm ốp, dày 1.0mm, PE		M2	Liên hệ
6	Tấm ốp, dày 1.5mm, PE		M2	Liên hệ
7	Tấm ốp, dày 2.0mm, PE		M2	Liên hệ
8	Tấm ốp, dày 3.0mm, PE		M2	Liên hệ
9	Tấm ốp, dày 1.5mm, PVDF	Sơn PVDF	M2	Liên hệ
10	Tấm ốp, dày 2.0mm, PVDF		M2	Liên hệ
11	Tấm ốp, dày 3.0mm, PVDF		M2	Liên hệ

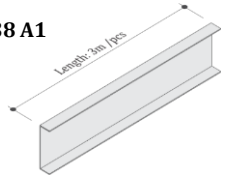
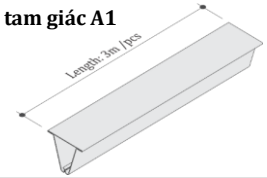
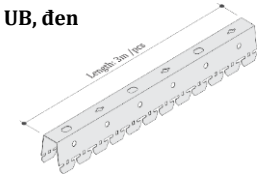
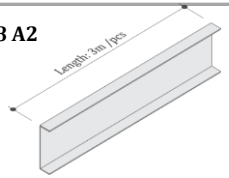
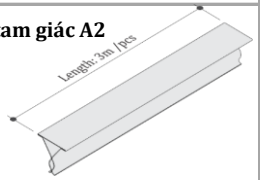
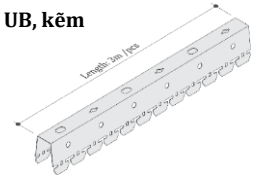
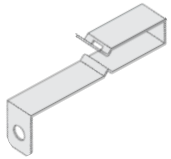
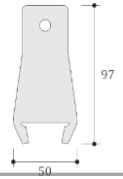
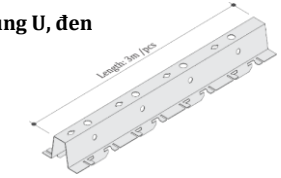
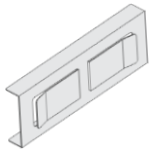
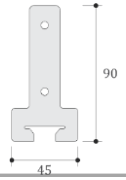
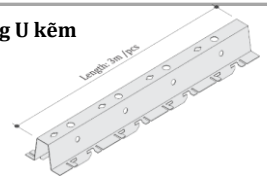
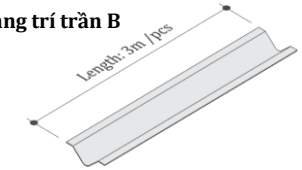
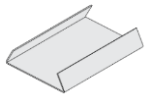
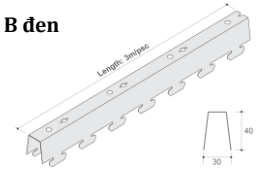
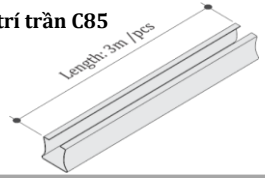
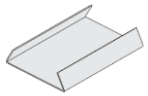
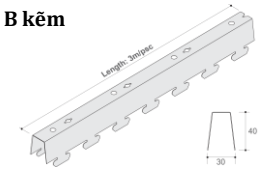
TIÊU CHUẨN:

1. Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)



28. PHỤ KIỆN

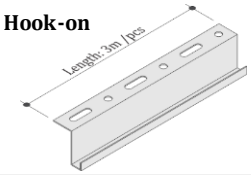
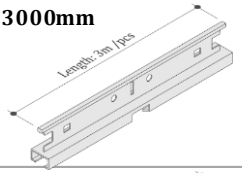
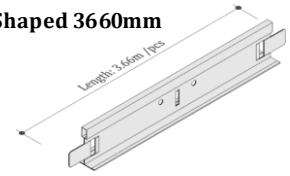
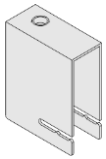
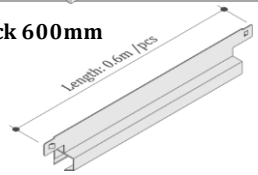
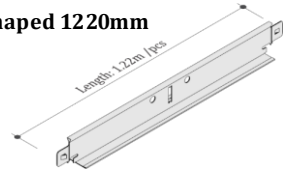
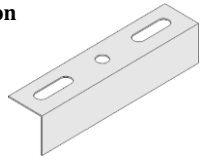
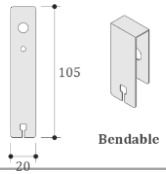
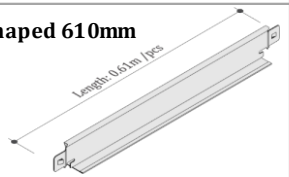
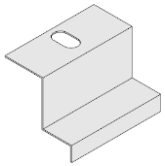
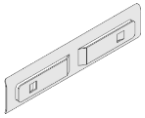
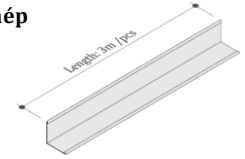
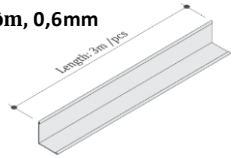
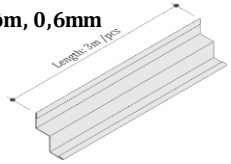
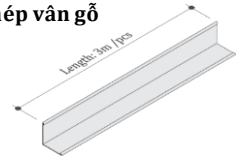
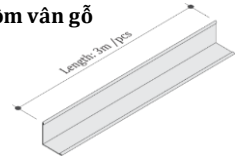
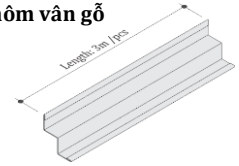
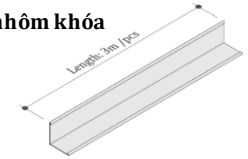
Báo giá từ ngày: 10/11/2026

MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Khung C38 A1 	Thanh	37,000	**Khung tam giác A1** 	Thanh	43,000	**Khung UB, đen** 	Thanh	77,000
Khung C38 A2 	Thanh	28,000	**Khung tam giác A2** 	Thanh	29,000	**Khung UB, kẽm** 	Thanh	66,000
Móc C38 	Chiếc	3,000	**Móc tam giác A1** 	Chiếc	2,000	**Khung U, đen** 	Thanh	77,000
Nối C38 	Chiếc	2,000	**Móc tam giác A2** 	Chiếc	1,000	**Khung U kẽm** 	Thanh	66,000
Trang trí trần B 	Thanh	38,000	**Nối tam giác A1** 	Chiếc	1,000	**Khung B đen** 	Thanh	91,000
Trang trí trần C85 	Thanh	73,000	**Nối tam giác A2** 	Chiếc	1,000	**Khung B kẽm** 	Thanh	78,000

GHI CHÚ :	1. GIÁ BÁN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
	2. GIAO HÀNG TẠI NHÀ MÁY AUSTRONG

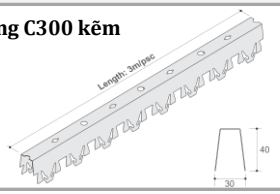
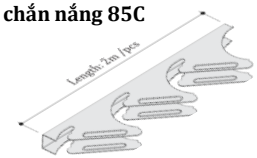
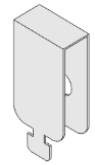
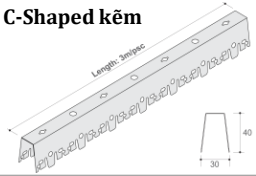
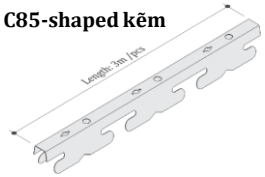
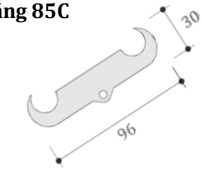
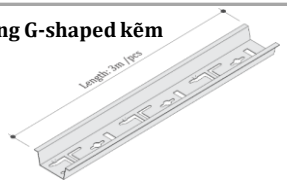
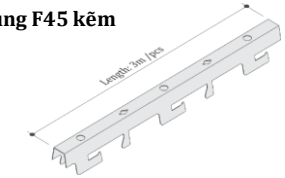
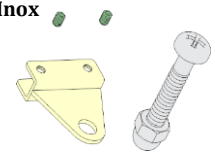
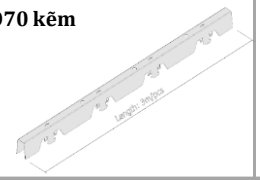
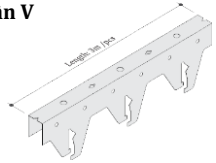
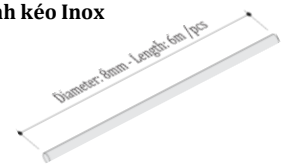
29. PHỤ KIỆN (tiếp)

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Khung Hook-on 	Thanh	103,000	T-Black 3000mm 	Thanh	167,000	T-Shaped 3660mm 	Thanh	50,000
Móc Hook-on 	Chiếc	11,000	T-Black 600mm 	Thanh	32,000	T-Shaped 1220mm 	Thanh	15,000
Nối Hook-on 	Chiếc	18,000	Móc T-Black 	Chiếc	2,000	T-Shaped 610mm 	Thanh	9,000
Kẹp Hook-on 	Chiếc	10,000	Nối T-Black 	Chiếc	2,000	V góc thép 	Thanh	22,000
V góc nhôm, 0,6mm 	Thanh	52,000	W góc nhôm, 0,6mm 	Thanh	79,000	V góc thép vân gỗ 	Thanh	27,000
V góc nhôm vân gỗ 	Thanh	53,000	W góc nhôm vân gỗ 	Thanh	81,000	W góc nhôm khóa 	Thanh	61,000
GHI CHÚ :	1. GIÁ BÁN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%							
	2. GIAO HÀNG TẠI NHÀ MÁY AUSTRONG							

30. PHỤ KIỆN (tiếp)

Báo giá từ ngày: 10/11/2026

MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Khung C300 kẽm 	Thanh	66,000	Khung chắn nắng 85C 	Thanh	100,000	Móc trần C-Shaped 	Chiếc	2,000
Khung C-Shaped kẽm 	Thanh	66,000	Khung chắn nắng 85R 	Thanh	100,000	Móc trần G-shaped 	Chiếc	3,000
Khung C85-shaped kẽm 	Thanh	66,000	Móc chắn nắng 85C 	Chiếc	2,000	Bộ phụ kiện chuyển động 	Bộ	120,000
Khung G-shaped kẽm 	Thanh	60,000	Móc chắn nắng 132S 	Chiếc	23,000	Mô tơ chuyển động 	Bộ	4,692,000
Khung F45 kẽm 	Thanh	74,000	Móc trần Cell 	Chiếc	5,000	Kẹp thanh Inox 	Bộ	100,000
Khung O70 kẽm 	Thanh	78,000	Khung trần V 	Thanh	86,000	Thanh kéo Inox 	Thanh	390,000

GHI CHÚ :	1. GIÁ BÁN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
	2. GIAO HÀNG TẠI NHÀ MÁY AUSTRONG